

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về cơ chế phối hợp để giải quyết thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 1014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 1014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và môi trường quy định về hồ sơ địa chính;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 1014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và môi trường quy định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BTP-BTNMT ngày 23 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và môi trường hướng dẫn việc đăng ký thuế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết

thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về cơ chế phối hợp để giải quyết thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 09/8/2019 và thay thế Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 24/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài Chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Kho bạc Nhà nước Trà Vinh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; người sử dụng đất; chủ sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất; tổ chức và cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính Phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Các Bộ: NN và PTNT, TC, XD, KHĐT;
- Cục KTVB-Bộ TP;
- Website Chính phủ;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh (b/c);
- Các ban Đảng thuộc Tỉnh ủy;
- UBMTTQ và các Đoàn thể tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Viện kiểm sát ND; Tòa án ND tỉnh;
- Đài PTTH TV, Báo Trà Vinh;
- Ban LĐVP, các phòng, Trung tâm thuộc Văn phòng;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NN. 28

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Anh Dũng

QUY ĐỊNH

Cơ chế phối hợp để giải quyết thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh
(Kèm theo Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND
ngày 31/7/2019 của UBND tỉnh)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về cơ chế phối hợp để giải quyết thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (gọi tắt là Giấy chứng nhận) cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất (gọi tắt là người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các Sở, ngành tỉnh có liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là UBND cấp huyện); Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện); Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh (sau đây gọi là Văn phòng đăng ký đất đai), Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai); Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là UBND cấp xã) thuộc tỉnh Trà Vinh và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chương II

CƠ CHẾ PHỐI HỢP ĐỂ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

Điều 3. Cơ chế phối hợp để giải quyết thủ tục đăng ký; cấp Giấy chứng nhận lần đầu

1. Thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 8, Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính (sau đây gọi là Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT).

2. Cơ chế phối hợp:

| STT | Nội dung thực hiện | Cơ quan thực hiện | Thời gian thực hiện | Sản phẩm | Ghi chú |
|-----|---|------------------------------|---------------------|-------------|---------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 01 | - Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. - Gửi hồ sơ đến Chi nhánh | Bộ phận tiếp nhận và trả kết | 0,5 ngày | - Lập Phiếu | |

| | | | | | |
|---|--|---|-----------------|--|--|
| | Văn phòng đăng ký đất đai (CN.VPĐKĐĐ) hoặc Văn phòng đăng ký đất đai (VPĐKĐĐ) | quả cấp huyện đối với hộ gia đình cá nhân (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đối với đất tổ chức) | | nhận và trả kết quả .- Hồ sơ | |
| 02 | CN.VPĐKĐĐ gửi hồ sơ đến UBND cấp xã nơi có đất để thực hiện xác nhận vào đơn và công bố công khai kết quả kiểm tra và giải quyết các ý kiến phản ánh (tại UBND cấp xã) | CN.VPĐKĐĐ | 01 ngày | Hồ sơ | |
| 03 | Kiểm tra, ghi ý kiến xác nhận vào đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận | UBND cấp xã | 01 ngày | Xác nhận vào đơn (mẫu số 04a/ĐK) | Tổng thời gian thực hiện tại điểm này không quá 02 ngày (Không tính thời gian công khai kết quả kiểm tra và giải quyết các ý kiến phản ánh) |
| | Công bố công khai kết quả kiểm tra và giải quyết các ý kiến phản ánh | UBND cấp xã | 15 ngày | Danh sách (mẫu số 06/ĐK) | |
| | Gửi hồ sơ đến CN.VPĐKĐĐ nơi có đất để thực hiện tiếp tục trình tự | UBND cấp xã | 01 ngày | Hồ sơ đã xác nhận | |
| 04 | Kiểm tra hồ sơ, xác minh thực địa (nếu cần), trích lục bản đồ địa chính, xác nhận đủ hay không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận (GCN) | | | | Tổng thời gian thực hiện tại điểm này không quá 08 ngày ; Không tính thời gian Thông báo, công khai bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất nếu người sử dụng đất liền kề vắng mặt trong suốt thời gian đo đạc vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính |
| | - Trường hợp không cần xác minh thực địa, trích lục bản đồ địa chính | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 03 ngày | - Trích lục - Hồ sơ đã xác nhận | |
| | - Trường hợp cần phải xác minh thực địa, trích lục bản đồ địa chính | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 07 ngày | - Biên bản - Trích lục - Hồ sơ đã xác nhận | |
| | Thông báo, công khai bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất nếu người sử dụng đất liền kề vắng mặt trong suốt thời gian đo đạc | UBND cấp xã | 15 ngày | - Bản mô tả ranh giới, mốc giới - Thông báo | |
| | Trường hợp cần xác minh thêm thông tin về quyền sở hữu tài sản | | | | |
| | - Lập phiếu lấy ý kiến đến cơ quan quản lý về tài sản gắn liền với đất | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 01 ngày | Phiếu (mẫu số 07/ĐK) | |
| - Ý kiến xác nhận về tài sản gắn liền với đất | Phòng Quản lý đô thị (đối với Thị xã, | 04 ngày | Ý kiến xác nhận | | |

| | | | | | |
|----|---|---|---------|------------------------------|---|
| | | Thành phố), Phòng Kinh tế và Hạ tầng (đối với huyện) (hoặc Sở Xây dựng đối với tổ chức); Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phòng NN&PTNT) cấp huyện hoặc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Sở NN&PTNN) | | | |
| 05 | Lập và chuyển thông tin địa chính đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 01 ngày | Phiếu chuyển thông tin | Tổng thời gian thực hiện tại điểm này không quá 04 ngày |
| | Xác định nghĩa vụ tài chính và trả kết quả | Cơ quan thuế cấp huyện (hoặc Cục thuế tỉnh) | 03 ngày | Thông báo thuế | |
| 06 | Thông báo người đề nghị cấp GCN thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận lại chứng từ nộp tiền vào NSNN | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | | Chứng từ | Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục cấp GCN |
| 07 | Thẩm tra hồ sơ, lập tờ trình, in GCN, hoàn chỉnh hồ sơ chuyển Phòng TN&MT cấp huyện (hoặc Chi cục QLĐĐ) | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 03 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |
| 08 | Kiểm tra trình tự, thủ tục pháp lý của hồ sơ | Phòng TN&MT cấp huyện (hoặc Chi cục QLĐĐ) | 01 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |
| 09 | Hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND cấp huyện (hoặc UBND tỉnh) xem xét ký GCN, chuyển kết quả cho CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | - Phòng Tài nguyên và Môi trường (Phòng TN&MT) cấp huyện (hoặc Sở TN&MT) - UBND cấp huyện (hoặc UBND tỉnh) | 03 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |
| 10 | Quét (Scan) hồ sơ, GCN để lưu và cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 01 ngày | - GCN - Hồ sơ đã duyet | |

| | | | | | |
|----------------------------------|--|--|---|---|--|
| 11 | Chuyển GCN cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp tỉnh) để trao GCN cho người được cấp giấy | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 01 ngày | GCN | |
| 12 | Trả kết quả cho người đề nghị cấp GCN; xuất phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ để lưu theo hồ sơ cấp GCN | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh) | 0,5 ngày | - GCN - Thu Phiếu nhận và trả kết quả. | |
| Tổng thời gian thực hiện: | | | - Cấp tỉnh: 23 ngày - Cấp huyện: 25 ngày | | |

Điều 4. Cơ chế phối hợp để giải quyết thủ tục đăng ký đất đai mà người sử dụng đất chưa có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận và nay có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận

1. Thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 8 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT

2. Cơ chế phối hợp:

| STT | Nội dung thực hiện | Cơ quan thực hiện | Thời gian thực hiện | Sản phẩm | Ghi chú |
|-----|---|--|---------------------|---|---------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 01 | - Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. - Gửi hồ sơ đến CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện đối với hộ gia đình cá nhân (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đối với đất tổ chức) | 0,5 ngày | - Lập Phiếu nhận và trả kết quả. - Hồ sơ | |
| 02 | CN. VPĐKĐĐ gửi hồ sơ đến UBND cấp xã nơi có đất để thực hiện xác nhận vào đơn về hiện trạng tài sản, tình trạng tranh chấp, thời điểm tạo lập,... | CN. VPĐKĐĐ | 01 ngày | Hồ sơ | |
| 03 | UBND cấp xã kiểm tra hồ sơ và xác nhận vào đơn về hiện trạng tài sản, tình trạng tranh chấp, thời điểm tạo lập,... và gửi hồ sơ đến CN. VPĐKĐĐ để thực hiện tiếp tục trình tự | UBND cấp xã | 02 ngày | Xác nhận vào đơn (mẫu số 04a/ĐK) | |

| | | | | | | |
|----|---|---|---------|--------------------------|--|--|
| 04 | Kiểm tra hồ sơ, trích lục bản đồ địa chính, xác nhận sơ đồ tài sản gắn liền với đất | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 03 ngày | Trích lục | Tổng thời gian thực hiện tại điểm này không quá 08 ngày | |
| | Trường hợp cần xác minh thêm thông tin về quyền sở hữu tài sản | | | | | |
| | - Lập phiếu lấy ý kiến đến cơ quan quản lý về tài sản gắn liền với đất | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 03 ngày | Phiếu (mẫu số 07/ĐK) | | |
| | - Ý kiến xác nhận về tài sản gắn liền với đất | Phòng Quản lý đô thị (đối với Thị xã, Thành phố), Phòng Kinh tế và Hạ tầng (đối với huyện) (hoặc Sở Xây dựng đối với tổ chức); Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phòng NN&PTNT) cấp huyện hoặc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Sở NN&PTNN) | 05 ngày | Ý kiến xác nhận | | |
| 05 | Lập và chuyển thông tin địa chính đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 01 ngày | Phiếu chuyển thông tin | Tổng thời gian thực hiện tại điểm này không quá 04 ngày | |
| | Xác định nghĩa vụ tài chính và trả kết quả | Cơ quan thuế cấp huyện (hoặc Cục thuế tỉnh) | 03 ngày | Thông báo thuế | | |
| 06 | Thông báo người đề nghị cấp GCN thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận lại lai thuế | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | | Chứng từ | Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục cấp GCN | |
| 07 | Thẩm tra hồ sơ, lập tờ trình, in GCN, hoàn chỉnh hồ sơ chuyển Phòng TN&MT cấp huyện (hoặc Chi cục QLĐĐ) | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 02 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | | |
| 08 | Kiểm tra trình tự, thủ tục pháp lý của hồ sơ | Phòng TN&MT cấp huyện (hoặc Chi cục Quản lý đất đai (Chi cục QLĐĐ) | 01 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | | |

| | | | | | |
|----------------------------------|--|--|----------|---|--|
| 09 | Hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND cấp huyện (hoặc UBND tỉnh) xem xét ký GCN, chuyển kết quả cho CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | - Phòng TN&MT cấp huyện (hoặc Sở TN&MT) - UBND cấp huyện (hoặc UBND tỉnh) | 04 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |
| 10 | Quét (Scan) hồ sơ, GCN để lưu và cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 01 ngày | - GCN - Hồ sơ đã duyệt | |
| 11 | Chuyển GCN cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp tỉnh) để trao GCN cho người được cấp giấy | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 01 ngày | GCN | |
| 12 | Trả kết quả cho người đề nghị cấp GCN; xuất phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ để lưu theo hồ sơ cấp GCN | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện đối với hộ gia đình cá nhân (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đối với đất tổ chức) | 0,5 ngày | - GCN - Thu Phiếu nhận và trả kết quả. | |
| Tổng thời gian thực hiện: | | | | - Cấp huyện: 25 ngày - Cấp tỉnh: 22 ngày | |

Điều 5. Cơ chế phối hợp để giải quyết thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất

1. Thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 7 của Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT

2. Cơ chế phối hợp:

| STT | Nội dung thực hiện | Cơ quan thực hiện | Thời gian thực hiện | Sản phẩm | Ghi chú |
|-----|---|--|---------------------|---|---------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 01 | - Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. - Gửi hồ sơ đến CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện đối với hộ gia đình cá nhân (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đối với đất tổ chức) | 0,5 ngày | - Lập Phiếu nhận và trả kết quả. - Hồ sơ | |

| | | | | | | |
|----|---|---|---------|----------------------------------|--|--|
| 02 | CN. VPĐKĐĐ gửi hồ sơ đến UBND cấp xã nơi có đất để thực hiện xác nhận vào đơn về hiện trạng tài sản, tình trạng tranh chấp, thời điểm tạo lập,... | CN. VPĐKĐĐ | 01 ngày | Hồ sơ | | |
| 03 | UBND cấp xã kiểm tra hồ sơ và xác nhận vào đơn về hiện trạng tài sản, tình trạng tranh chấp, thời điểm tạo lập,... và gửi hồ sơ đến CN. VPĐKĐĐ để thực hiện tiếp tục trình tự | UBND cấp xã | 02 ngày | Xác nhận vào đơn (mẫu số 04a/ĐK) | | |
| 04 | Kiểm tra hồ sơ, trích lục bản đồ địa chính, xác nhận sơ đồ tài sản gắn liền với đất | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 03 ngày | Trích lục | Tổng thời gian thực hiện tại điểm này không quá 08 ngày | |
| | Trường hợp cần xác minh thêm thông tin về quyền sở hữu tài sản | | | | | |
| | - Lập phiếu lấy ý kiến đến cơ quan quản lý về tài sản gắn liền với đất | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 03 ngày | Phiếu (mẫu số 07/ĐK) | | |
| | - Ý kiến xác nhận về tài sản gắn liền với đất | Phòng Quản lý đô thị (đối với Thị xã, Thành phố), Phòng Kinh tế và Hạ tầng (đối với huyện) (hoặc Sở Xây dựng đối với tổ chức); Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phòng NN&PTNT) cấp huyện hoặc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Sở NN&PTNN) | 05 ngày | Ý kiến xác nhận | | |
| 05 | Lập và chuyển thông tin địa chính đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 01 ngày | Phiếu chuyển thông tin | Tổng thời gian thực hiện tại điểm này không quá 04 ngày | |
| | Xác định nghĩa vụ tài chính và trả kết quả | Cơ quan thuế cấp huyện (hoặc Cục thuế tỉnh) | 03 ngày | Thông báo thuế | | |

| | | | | | |
|----------------------------------|---|--|----------|---|---|
| 06 | Thông báo người đề nghị cấp GCN thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận lại lai thuế | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | | Chứng từ | Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục cấp GCN |
| 07 | Thẩm tra hồ sơ, in GCN, lập tờ trình, in GCN, hoàn chỉnh hồ sơ chuyển Phòng TN&MT cấp huyện (hoặc Chi cục QLĐĐ) | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 02 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |
| 08 | Kiểm tra trình tự, thủ tục pháp lý của hồ sơ | Phòng TN&MT cấp huyện (hoặc Chi cục Quản lý đất đai (Chi cục QLĐĐ)) | 01 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |
| 09 | Hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND cấp huyện (hoặc UBND tỉnh) xem xét ký GCN, chuyển kết quả cho CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | - Phòng TN&MT cấp huyện (hoặc Sở TN&MT) - UBND cấp huyện (hoặc UBND tỉnh) | 04 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |
| 10 | Quét (Scan) hồ sơ, GCN để lưu và cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 01 ngày | - GCN - Hồ sơ đã duyệt | |
| 11 | Chuyển GCN cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh) để trao GCN cho người được cấp giấy | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 01 ngày | GCN | |
| 12 | Trả kết quả cho người đề nghị cấp GCN; xuất phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ để lưu theo hồ sơ cấp GCN | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh) | 0,5 ngày | - GCN - Thu Phiếu nhận và trả kết quả. | |
| Tổng thời gian thực hiện: | | | | - Cấp huyện: 25 ngày - Cấp tỉnh: 22 ngày | |

Điều 6. Cơ chế phối hợp để giải quyết thủ tục đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận

1. Thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 7 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT

2. Cơ chế phối hợp:

| STT | Nội dung thực hiện | Cơ quan thực hiện | Thời gian thực hiện | Sản phẩm | Ghi chú |
|-----|------------------------------|-------------------|---------------------|-------------|---------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 01 | - Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. | Bộ phận tiếp | 0,5 ngày | - Lập Phiếu | |

| | | | | | | |
|----|---|--|----------|---------------------------------|---|--|
| | - Gửi hồ sơ đến CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | nhận và trả kết quả cấp huyện đối với hộ gia đình cá nhân (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đối với đất tổ chức) | | nhận và trả kết quả. - Hồ sơ | | |
| 02 | Kiểm tra hồ sơ, trích lục bản đồ địa chính, xác nhận sơ đồ tài sản gắn liền với đất | CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 02 ngày | Trích lục | Tổng thời gian thực hiện tại điểm này không quá 2,5 ngày | |
| | Trường hợp cần xác minh thêm thông tin về quyền sở hữu tài sản | | | | | |
| | - Lập phiếu lấy ý kiến đến cơ quan quản lý về tài sản gắn liền với đất | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 0,5 ngày | Phiếu (mẫu số 07/ĐK) | | |
| | - Ý kiến xác nhận về tài sản gắn liền với đất | Phòng Quản lý đô thị (đối với Thị xã, Thành phố), Phòng Kinh tế và Hạ tầng (đối với huyện) (hoặc Sở Xây dựng đối với tổ chức); Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phòng NN&PTNT) cấp huyện hoặc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Sở NN&PTNN) | 02 ngày | Ý kiến xác nhận | | |
| 03 | Lập và chuyển thông tin địa chính đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 0,5 ngày | Phiếu chuyển thông tin | Tổng thời gian thực hiện tại điểm này không quá 02 ngày | |
| | Xác định nghĩa vụ tài chính và trả kết quả | Cơ quan thuế cấp huyện (hoặc Cục thuế tỉnh) | 1,5 ngày | Thông báo thuế | | |
| 04 | Thông báo người đề nghị cấp GCN thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận lại chứng từ nộp tiền vào NSNN | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | | Chứng từ | Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục cấp GCN | |
| 05 | - CN. VPĐKĐĐ hoặc VPĐKĐĐ kiểm tra hồ sơ, | CN. VPĐKĐĐ (hoặc | 01 ngày | - Hồ sơ cấp GCN; | | |

| | | | | | |
|----|---|--|----------------|---|--|
| | nhập thông tin in GCN | VPĐKĐĐ) | | - GCN. | |
| 06 | Kiểm tra trình tự, thủ tục pháp lý của hồ sơ, in GCN | VPĐKĐĐ | 01 ngày | - Hồ sơ cấp GCN; - GCN. | |
| 07 | Kiểm tra trình tự, thủ tục pháp lý của hồ sơ | - VPĐKĐĐ | 0,5 ngày | - Hồ sơ cấp GCN; - GCN. | |
| 08 | Hoàn chỉnh hồ sơ trình LĐ VPĐKĐĐ xem xét ký GCN | Phòng ĐK&CGCN | 01 ngày | - Hồ sơ cấp GCN; - GCN. | |
| 09 | Quét (Scan) hồ sơ, GCN để lưu và cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 0,5 ngày | - GCN; - Hồ sơ đã duyệt. | |
| 10 | Chuyển GCN cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh) để trao GCN cho người được cấp giấy | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 0,5 ngày | GCN | |
| 11 | Trả kết quả cho người đề nghị cấp GCN; xuất phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ để lưu theo hồ sơ cấp GCN | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh) | 0,5 ngày | - GCN - Thu Phiếu nhận và trả kết quả. | |
| | Tổng thời gian thực hiện: | | 10 ngày | | |

Điều 7. Cơ chế phối hợp để giải quyết thủ tục đăng ký đất đai đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý

- Thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Điều 8 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT
- Cơ chế phối hợp:

| STT | Nội dung thực hiện | Cơ quan thực hiện | Thời gian thực hiện | Sản phẩm | Ghi chú |
|-----|---|--|---------------------|---|---------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 01 | - Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. - Gửi hồ sơ đến CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện đối với hộ gia đình cá nhân (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đối với đất tổ chức) | 0,5 ngày | - Lập Phiếu nhận và trả kết quả. - Hồ sơ | |

| | | | | | |
|----------------------------------|--|--|----------------|--------------------------------|--|
| 02 | CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) kiểm tra hiện trạng đất, xác nhận đăng ký đất | CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 05 ngày | Hồ sơ | |
| 03 | CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) quét (Scan) hồ sơ, cập nhật thông tin thửa đất đã đăng ký vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai (nếu có) | CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 03 ngày | Hồ sơ | |
| 04 | Chuyển kết quả đăng ký cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh) để trả cho người đăng ký đất | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 01 ngày | GCN | |
| 05 | Trả kết quả cho người đề nghị cấp GCN; xuất phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ để lưu theo hồ sơ cấp GCN | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh) | 0,5 ngày | Thu Phiếu nhận và trả kết quả. | |
| Tổng thời gian thực hiện: | | | 10 ngày | | |

Điều 8. Cơ chế phối hợp để giải quyết thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng của tổ chức đầu tư xây dựng để bán

1. Thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định tại Khoản 5, Điều 8 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT

2. Cơ chế phối hợp:

| STT | Nội dung thực hiện | Cơ quan thực hiện | Thời gian thực hiện | Sản phẩm | Ghi chú |
|-----|---|--|---------------------|---|--|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 01 | - Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. - Gửi hồ sơ đến VPĐKĐĐ | Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh | 0,5 ngày | - Lập Phiếu nhận và trả kết quả. - Hồ sơ | |
| 02 | VPĐKĐĐ kiểm tra hồ sơ, trích lục bản đồ địa chính, xác nhận đủ điều kiện hay không đủ điều kiện cấp GCN | VPĐKĐĐ | 04 ngày | Hồ sơ | |
| 03 | Lập và chuyển thông tin địa chính đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính | VPĐKĐĐ | 01 ngày | Phiếu chuyển thông tin | Tổng thời gian thực hiện tại điểm này không quá 04 ngày |

| | | | | | |
|----|--|--|----------------|---|---|
| | Xác định nghĩa vụ tài chính và trả kết quả | Cục thuế tỉnh | 03 ngày | Thông báo thuế | |
| 04 | Thông báo người đề nghị cấp GCN thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận lại chứng từ nộp tiền vào NSNN | VPĐKĐĐ | | Chứng từ | Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục cấp GCN |
| 05 | Thẩm tra hồ sơ, in GCN | VPĐKĐĐ | 03 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |
| 06 | Hoàn chỉnh hồ sơ trình LĐ VPĐKĐĐ xem xét ký GCN | Phòng ĐK&CGCN | 02 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |
| 07 | Quét (Scan) hồ sơ, GCN để lưu và cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định | VPĐKĐĐ | 0,5 ngày | - GCN - Hồ sơ đã duyệt | |
| 08 | Chuyển GCN cho Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh để trao GCN cho người được cấp giấy. | VPĐKĐĐ | 0,5 ngày | GCN | |
| 09 | Trả kết quả cho người đề nghị cấp GCN; xuất phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ để lưu theo hồ sơ cấp GCN | Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh | 0,5 ngày | - GCN - Thu Phiếu nhận và trả kết quả. | |
| | Tổng thời gian thực hiện: | | 15 ngày | | |

Điều 9. Cơ chế phối hợp để giải quyết thủ tục đăng ký biến động đất đai khi chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện “đón điền đổi thửa”

1. Thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT

2. Cơ chế phối hợp:

| STT | Nội dung thực hiện | Cơ quan thực hiện | Thời gian thực hiện | Sản phẩm | Ghi chú |
|-----|---|--|---------------------|---|---------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 01 | - Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ - Gửi hồ sơ đến CN.VPĐKĐĐ | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | 0,5 ngày | - Lập Phiếu nhận và trả kết quả. - Hồ sơ | |
| 02 | CN. VPĐKĐĐ kiểm tra hồ sơ, xác nhận nội dung thay đổi vào đơn | CN. VPĐKĐĐ | 03 ngày | Hồ sơ | |
| 03 | Nhập thông tin in GCN, hoàn chỉnh hồ sơ chuyển VPĐKĐĐ | CN. VPĐKĐĐ | 1,5 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |
| 04 | Kiểm tra trình tự, thủ tục | VPĐKĐĐ | 1,5 ngày | - Hồ sơ cấp | |

| | | | | | |
|----|--|--|----------------|---|--|
| | pháp lý của hồ sơ, in GCN | | | GCN - GCN | |
| 05 | Hoàn chỉnh hồ sơ trình LĐ VPĐKĐĐ xem xét ký GCN | Phòng ĐK&CGCN | 02 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |
| 06 | Quét (Scan) hồ sơ, GCN để lưu và cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định; chuyển GCN cho CN. VPĐKĐĐ | - CN. VPĐKĐĐ - VPĐKĐĐ | 0,5 ngày | - GCN - Hồ sơ đã duyệt | |
| 07 | CN. VPĐKĐĐ chuyển GCN cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện để trao GCN cho người được cấp giấy | CN. VPĐKĐĐ | 0,5 ngày | Giấy CN | |
| 08 | Trả kết quả cho người đề nghị cấp GCN; xuất phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ để lưu theo hồ sơ cấp GCN | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | 0,5 ngày | - GCN - Thu Phiếu nhận và trả kết quả. | |
| | Tổng thời gian thực hiện: | | 10 ngày | | |

Điều 10. Cơ chế phối hợp để giải quyết thủ tục đăng ký biến động đất đai khi chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không thuộc trường hợp “đón điền đổi thửa”; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có giấy chứng nhận

1. Thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 7 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT.

Trong trường hợp người sử dụng đất yêu cầu giải quyết thủ tục tại Điều 10 Quy định này đồng thời có thay đổi thông tin trên GCN thì thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định tại Khoản 17, Điều 7 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT.

2. Cơ chế phối hợp:

| STT | Nội dung thực hiện | Cơ quan thực hiện | Thời gian thực hiện | Sản phẩm | Ghi chú |
|-----|---|--|---------------------|--|---------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 01 | - Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, ghi Phiếu nhận và trả kết quả - Gửi hồ sơ đến CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện đối với hộ gia đình cá nhân (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh) | 0,5 ngày | - Lập Phiếu nhận và trả kết quả - Hồ sơ | |

| | | | | | |
|--|--|---|----------|--|--|
| | | đối với đất tổ chức) | | | |
| Trường hợp phải đo đạc xác định lại diện tích, kích thước thửa đất hoặc cấp đổi tư liệu | | | | | |
| 02 | CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính | CN. VPĐKĐĐ - VPĐKĐĐ | 05 ngày | Hồ sơ | |
| | Thông báo, công khai bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất nếu người sử dụng đất liền kề vắng mặt trong suốt thời gian đo đạc | UBND cấp xã | 15 ngày | - Bản mô tả ranh giới, mốc giới - Thông báo | Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính |
| Trường hợp có thay đổi thông tin trên giấy chứng nhận | | | | | |
| 03 | CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) kiểm tra hồ sơ, xác nhận nội dung thay đổi vào GCN đã cấp | CN.VPĐKĐĐ - VPĐKĐĐ | 03 ngày | - GCN - Hồ sơ đã duyệt | |
| Trường hợp không có thay đổi thông tin trên giấy chứng nhận | | | | | |
| 04 | CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) kiểm tra hồ sơ | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 01 ngày | Hồ sơ | |
| 05 | Lập và chuyển thông tin địa chính đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 0,5 ngày | Phiếu chuyển thông tin | Tổng thời gian thực hiện ở điểm này không quá 3,5 ngày |
| | Xác định nghĩa vụ tài chính và trả kết quả | Cơ quan thuế cấp huyện (hoặc Cục thuế tỉnh) | 03 ngày | Thông báo thuế | |
| 06 | Thông báo người đề nghị cấp GCN thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận lại chứng từ nộp tiền vào NSNN | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | | Chứng từ | Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục cấp GCN |

| | | | | | |
|----|--|--------------------------|---------|--------------------------|--|
| 07 | Xác nhận thay đổi vào GCN đã cấp | | | | Thời gian thực hiện tại điểm này không quá 01 ngày |
| | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) xác nhận thay đổi vào GCN đã cấp | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 01 ngày | Hồ sơ | |
| 07 | Cấp mới Giấy chứng nhận | | | | Tổng thời gian thực hiện tại điểm này không quá 04 ngày |
| | CN. VPĐKĐĐ kiểm tra hồ sơ, nhập thông tin in GCN, hoàn chỉnh hồ sơ chuyển VPĐKĐĐ | CN.VPĐKĐĐ | 01 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |
| | Kiểm tra trình tự, thủ tục pháp lý của hồ sơ, in GCN | VPĐKĐĐ | 01 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |
| | Hoàn chỉnh hồ sơ trình LĐ VP ĐKĐĐ xem xét ký GCN | Phòng ĐK&CGCN | 01 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |

| | | | | | |
|----------------------------------|--|---|----------|---|--|
| 08 | Quét (Scan) hồ sơ, GCN để lưu và cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định; chuyển GCN cho CN. VPĐKĐĐ | CN.VPĐKĐĐ VPĐKĐĐ | 01 ngày | - GCN - Hồ sơ đã duyệt | |
| 09 | CN. VPĐKĐĐ chuyển GCN cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh) để trao GCN cho người được cấp giấy | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 0,5 ngày | Giấy CN | |
| 10 | Trả kết quả cho người đề nghị cấp GCN; xuất phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ để lưu theo hồ sơ cấp GCN | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh) | 0,5 ngày | - Giấy CN - Thu Phiếu nhận và trả kết quả. | |
| Tổng thời gian thực hiện: | | <ul style="list-style-type: none"> - Xác nhận GCN, không thay đổi thông tin: 07 ngày. - Xác nhận GCN, có thay đổi thông tin: 10 ngày. - Cấp mới GCN, không thay đổi thông tin: 10 ngày. - Cấp mới GCN, phải đo đạc, không thay đổi thông tin: 15 ngày. - Cấp mới GCN, phải đo đạc, có thay đổi thông tin: 18 ngày. | | | |

Điều 11. Cơ chế phối hợp để giải quyết thủ tục đăng ký biến động đất đai khi thực hiện thủ tục xóa đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

1. Thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT.

2. Cơ chế phối hợp:

| STT | Nội dung thực hiện | Cơ quan thực hiện | Thời gian thực hiện | Sản phẩm | Ghi chú |
|-----|---|--|---------------------|--|---------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 01 | - Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. - Gửi hồ sơ đến CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện đối với hộ gia đình cá nhân (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đối với đất tổ chức) | 0,5 ngày | - Lập Phiếu nhận và trả kết quả - Hồ sơ | |
| 02 | CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) kiểm tra hồ sơ, | CN.VPĐKĐĐ VPĐKĐĐ | 01 ngày | Hồ sơ | |

| | | | | | |
|----|--|--|----------------|---|--|
| | xác nhận thay đổi vào GCN | | | | |
| 03 | Quét (Scan) hồ sơ, GCN để lưu và cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định | CN.VPĐKĐĐ VPĐKĐĐ | | - GCN; - Hồ sơ đã duyệt. | |
| 04 | Chuyển GCN cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh) để trả GCN đã chỉnh lý cho người được cấp giấy | CN.VPĐKĐĐ VPĐKĐĐ | 0,5 ngày | GCN. | |
| 05 | Trả kết quả cho người đề nghị cấp GCN; xuất phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ để lưu theo hồ sơ cấp GCN | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh) | | - GCN - Thu Phiếu nhận và trả kết quả. | |
| | Tổng thời gian thực hiện: | | 02 ngày | | |

Điều 12. Cơ chế phối hợp để giải quyết thủ tục đăng ký biến động đất đai khi cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền

1. Thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT.

2. Cơ chế phối hợp:

| STT | Nội dung thực hiện | Cơ quan thực hiện | Thời gian thực hiện | Sản phẩm | Ghi chú |
|--|--|--|---------------------|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 01 | - Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, ghi Phiếu nhận và trả kết quả. - Gửi hồ sơ đến CN.VPĐKĐĐ | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | 0,5 ngày | - Lập Phiếu nhận và trả kết. - Hồ sơ | |
| 02 | CN.VPĐKĐĐ thông báo bằng văn bản về việc làm thủ tục cấp GCN cho người nhận chuyển quyền | CN.VPĐKĐĐ | 01 ngày | Thông báo | |
| 03 | Thông báo cho bên chuyển quyền hoặc trên phương tiện thông tin đại chúng và gửi thông báo niêm yết tại trụ sở UBND cấp xã nơi có đất | | 30 ngày | Thông báo | Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục cấp GCN |
| Trường hợp phải đo đạc xác định lại diện tích, kích thước thửa đất hoặc cấp đổi tư liệu | | | | | |
| 04 | CN.VPĐKĐĐ (hoặc | - CN.VPĐKĐĐ | 05 ngày | Hồ sơ | |

| | | | | | |
|----|--|--|----------|--|--|
| | VPĐKĐĐ) đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính | - VPĐKĐĐ | | | |
| | Thông báo, công khai bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất nếu người sử dụng đất liền kề vắng mặt trong suốt thời gian đo đạc | UBND cấp xã | 15 ngày | - Bản mô tả ranh giới, mốc giới - Thông báo | Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính |
| 05 | Lập và chuyển thông tin địa chính đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 0,5 ngày | Phiếu chuyển thông tin | Tổng thời gian thực hiện tại điểm này không quá 3,5 ngày |
| | Xác định nghĩa vụ tài chính và trả kết quả | Cơ quan thuế cấp huyện | 03 ngày | Thông báo thuế | |
| 06 | Thông báo người đề nghị cấp GCN thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận lại chứng từ nộp tiền vào NSNN | CN.VPĐKĐĐ | | Chứng từ | Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục cấp GCN |
| 07 | CN. VPĐKĐĐ lập thủ tục hủy GCN đã cấp do không nộp lại GCN, xác nhận vào đơn | CN.VPĐKĐĐ | 01 ngày | Hồ sơ | |
| 08 | Nhập thông tin in GCN, hoàn chỉnh hồ sơ chuyển VPĐKĐĐ | CN.VPĐKĐĐ | 01 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |
| 09 | In GCN, hoàn chỉnh hồ sơ trình LĐ Sở TN&MT xem xét quyết định hủy GCN và LĐ VPĐKĐĐ ký cấp mới lại GCN | Phòng ĐK&CGCN | 1,5 ngày | Hồ sơ | |
| 10 | Quét (Scan) hồ sơ, GCN để lưu và cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định; chuyển GCN cho CN. VPĐKĐĐ | - CN.VPĐKĐĐ - VPĐKĐĐ | 0,5 ngày | - GCN - Hồ sơ đã duyệt | |
| 11 | CN. VPĐKĐĐ chuyển GCN Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện để trao GCN cho người được cấp giấy | CN.VPĐKĐĐ | 0,5 ngày | GCN | |
| 12 | Trả kết quả cho người đề nghị cấp GCN; xuất phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ để lưu theo hồ sơ cấp GCN | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | 0,5 ngày | - GCN - Thu Phiếu nhận và trả kết quả. | |
| | Tổng thời gian thực hiện: | | | | - Không đo đạc: 10 ngày - Đo đạc: 15 ngày |

Điều 13. Cơ chế phối hợp để giải quyết thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức, chuyển đổi công ty; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất

1. Thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định tại Khoản 5, Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; Khoản 3, Điều 7 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT.

2. Cơ chế phối hợp:

| STT | Nội dung thực hiện | Cơ quan thực hiện | Thời gian thực hiện | Sản phẩm | Ghi chú |
|-----|---|--|---------------------|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 01 | - Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. - Gửi hồ sơ đến CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện đối với hộ gia đình cá nhân (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh) đối với tổ chức | 0,5 ngày | - Lập Phiếu nhận và trả kết quả. - Hồ sơ | |
| 02 | CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) kiểm tra hồ sơ, trích lục bản đồ địa chính | - CN.VPĐKĐĐ - VPĐKĐĐ | 01 ngày | Trích lục | |
| 03 | Lập và chuyển thông tin địa chính đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 0,5 ngày | Phiếu chuyển thông tin | Tổng thời gian thực hiện tại điểm này không quá 3,5 ngày |
| | Xác định nghĩa vụ tài chính và trả kết quả | Cơ quan thuế cấp huyện (hoặc Cục thuế tỉnh) | 03 ngày | Thông báo thuế | |
| 04 | Thông báo người đề nghị cấp GCN thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận lại chứng từ nộp tiền vào NSNN | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | | Chứng từ | Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục cấp GCN |
| 05 | Kiểm tra hồ sơ, xác nhận đơn; nhập thông tin in GCN, hoàn chỉnh hồ sơ chuyển VPĐKĐĐ | CN.VPĐKĐĐ | 01 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |
| 06 | Kiểm tra trình tự, thủ tục pháp lý của hồ sơ, in GCN | VPĐKĐĐ | 01 ngày | - Hồ sơ cấp GCN | |

| | | | | | |
|----|--|---|----------------|---|--|
| | | | | - GCN | |
| 07 | Hoàn chỉnh hồ sơ trình LĐ VPĐKĐĐ xem xét ký GCN | Phòng ĐK&CGCN | 01 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |
| 08 | Quét (Scan) hồ sơ, GCN để lưu và cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định; chuyển GCN cho CN. VPĐKĐĐ | - CN.VPĐKĐĐ - VPĐKĐĐ | 01 ngày | - Giấy CN - Hồ sơ đã duyệt | |
| 09 | CN. VPĐKĐĐ chuyển GCN cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh) để trao GCN cho người được cấp giấy | CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 0,5 ngày | Giấy CN | |
| 10 | Trả kết quả cho người đề nghị cấp GCN; xuất phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ để lưu theo hồ sơ cấp GCN | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh)) | 0,5 ngày | - GCN - Thu Phiếu nhận và trả kết quả. | |
| | Tổng thời gian thực hiện: | | 10 ngày | | |

Điều 14. Cơ chế phối hợp để giải quyết thủ tục đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc thay đổi thông tin về pháp nhân, số Chứng minh nhân dân, số thẻ Căn cước công dân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận

1. Thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Khoản 6, Điều 7 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT.

2. Cơ chế phối hợp:

| STT | Nội dung thực hiện | Cơ quan thực hiện | Thời gian thực hiện | Sản phẩm | Ghi chú |
|-----|---|--|---------------------|---|---------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 01 | - Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. - Gửi hồ sơ đến CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện đối với hộ gia đình cá nhân (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh) đối với tổ chức | 0,5 ngày | - Lập Phiếu nhận và trả kết quả. - Hồ sơ | |

| | | | | | | |
|----|---|---|----------|------------------------------------|--|--|
| 02 | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) kiểm tra xác nhận hồ sơ, trích lục bản đồ địa chính | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 1,5 ngày | - Trích lục - Hồ sơ đã xác nhận | Tổng thời gian thực hiện tại điểm này không quá 02 ngày | |
| | Trường hợp cần xác minh thêm thông tin về quyền sở hữu tài sản | | | | | |
| | - Lập phiếu lấy ý kiến đến cơ quan quản lý về tài sản gắn liền với đất | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 0,5 ngày | Phiếu (mẫu số 07/ĐK) | | |
| | - Ý kiến xác nhận về tài sản gắn liền với đất | Phòng Quản lý đô thị (đối với Thị xã, Thành phố), Phòng Kinh tế và Hạ tầng (đối với huyện) (hoặc Sở Xây dựng đối với tổ chức); Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phòng NN&PTNT) cấp huyện hoặc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Sở NN&PTNN) | 02 ngày | Ý kiến xác nhận | | |
| 03 | Lập và chuyển thông tin địa chính đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 0,5 ngày | Phiếu chuyển thông tin | Tổng thời gian thực hiện tại điểm này không quá 02 ngày | |
| | Xác định nghĩa vụ tài chính và trả kết quả | Cơ quan thuế cấp huyện (hoặc Cục thuế tỉnh) | 1,5 ngày | Thông báo thuế | | |
| 04 | Thông báo người đề nghị cấp GCN thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận lại chứng từ nộp tiền vào NSNN | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | | Chứng từ | Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục cấp GCN | |
| 05 | Xác nhận thay đổi vào GCN đã cấp | | | | | |
| | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) xác nhận thay đổi vào GCN đã cấp | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 01 ngày | Hồ sơ | Thời gian thực hiện tại điểm này không quá 01 ngày | |
| 05 | Cấp mới GCN | | | | | |
| | Kiểm tra hồ sơ, xác nhận đơn; nhập thông tin in GCN | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 01 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | Tổng thời gian thực hiện tại điểm này không quá 04 ngày | |
| | Kiểm tra trình tự, thủ tục pháp lý của hồ sơ, in GCN | VPĐKĐĐ | 01 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | | |
| | Hoàn chỉnh hồ sơ trình LĐ | Phòng | 02 ngày | - Hồ sơ cấp | | |
| | | | | | | |

| | | | | | |
|----|---|--|----------|--|--|
| | VPĐKĐĐ xem xét ký GCN | ĐK&CGCN | | GCN - GCN | |
| 06 | Quét (Scan) hồ sơ, GCN để lưu và cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định; chuyển GCN cho CN.VPĐKĐĐ | - CN.VPĐKĐĐ - VPĐKĐĐ | 0,5 ngày | - GCN - Hồ sơ đã duyệt | |
| 07 | Chuyển GCN cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc bưu chính công ích (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh) để trao GCN cho người được cấp giấy | CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 0,5 ngày | GCN | |
| 08 | Trả kết quả cho người đề nghị cấp GCN; xuất phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ để lưu theo hồ sơ cấp GCN | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc bưu chính công ích (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh) | 0,5 ngày | - GCN - Thu Phiếu nhận và trả kết quả. | |
| | Tổng thời gian thực hiện: | | | - Xác nhận GCN: 07 ngày (trường hợp đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ: 03 ngày). - Cấp mới GCN: 10 ngày. | |

Điều 15. Cơ chế phối hợp để giải quyết thủ tục đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất

1. Thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định tại Khoản 7, Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT.

2. Cơ chế phối hợp:

| STT | Nội dung thực hiện | Cơ quan thực hiện | Thời gian thực hiện | Sản phẩm | Ghi chú |
|-----|---|--|---------------------|---|---------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 01 | - Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. - Gửi hồ sơ đến CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện đối với hộ gia đình cá nhân (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công | 0,5 ngày | - Lập Phiếu nhận và trả kết quả. - Hồ sơ | |

| | | | | | |
|----------------------------------|---|--|---|---|--|
| | | tinh) đối với tổ chức | | | |
| 02 | Kiểm tra, xác nhận hồ sơ | CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 02 ngày | Hồ sơ | |
| 03 | Lập và chuyển thông tin địa chính đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 01 ngày | Phiếu chuyển thông tin | Tổng thời gian thực hiện tại điểm này không quá 06 ngày |
| | Xác định nghĩa vụ tài chính và trả kết quả | Cơ quan thuế cấp huyện (hoặc Cục thuế tỉnh) | 05 ngày | Thông báo thuế | |
| 04 | Thông báo người đề nghị cấp GCN thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận lại chứng từ nộp tiền vào NSNN | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | | Chứng từ | Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục cấp GCN |
| 05 | Xác nhận thay đổi vào GCN đã cấp | | | | |
| | Xác nhận thay đổi vào GCN đã cấp | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 02 ngày | Hồ sơ | |
| 05 | Cấp mới GCN | | | | |
| | Kiểm tra hồ sơ, xác nhận đơn; in GCN | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 03 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | Tổng thời gian thực hiện tại điểm này không quá 05 ngày |
| | Kiểm tra trình tự, thủ tục pháp lý của hồ sơ | VPĐKĐĐ | 02 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |
| | Hoàn chỉnh hồ sơ trình LĐ VPĐKĐĐ xem xét ký GCN | Phòng ĐK&CGCN | 03 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |
| 06 | Quét (Scan) hồ sơ, GCN để lưu và cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định; chuyển GCN cho CN.VPĐKĐĐ | - CN.VPĐKĐĐ - VPĐKĐĐ | 02 ngày | - GCN - Hồ sơ đã duyệt | |
| 07 | Chuyển GCN cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh) để trao GCN cho người được cấp giấy | CN.VPĐKĐĐ | 01 ngày | GCN | |
| 08 | Trả kết quả cho người đề nghị cấp GCN; xuất phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ để lưu theo hồ sơ cấp GCN | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh) | 0,5 ngày | - GCN - Thu Phiếu nhận và trả kết quả. | |
| Tổng thời gian thực hiện: | | | - Xác nhận GCN: 14 ngày - Cấp mới GCN: 20 ngày | | |

Điều 16. Cơ chế phối hợp để giải quyết thủ tục đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề

1. Thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định tại Khoản 8, Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT.

2. Cơ chế phối hợp:

| STT | Nội dung thực hiện | Cơ quan thực hiện | Thời gian thực hiện | Sản phẩm | Ghi chú |
|----------------------------------|--|--|---------------------|---|---------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 01 | - Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. - Gửi hồ sơ đến CN.VPĐKĐĐ | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | 0,5 ngày | - Lập Phiếu nhận và trả kết quả. - Hồ sơ | |
| 02 | CN. VPĐKĐĐ kiểm tra hồ sơ, cập nhật hồ sơ địa chính, chỉnh lý GCN | CN. VPĐKĐĐ | 02 ngày | Hồ sơ | |
| 03 | Quét (Scan) hồ sơ, GCN để lưu và cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định | CN.VPĐKĐĐ | 01 ngày | - GCN - Hồ sơ đã duyệt | |
| 04 | CN. VPĐKĐĐ chuyển GCN cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện để trả GCN cho người được cấp giấy | CN.VPĐKĐĐ | 01 ngày | GCN đã chỉnh lý | |
| 05 | Trả kết quả cho người đề nghị cấp GCN; xuất phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ để lưu theo hồ sơ cấp GCN | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | 0,5 ngày | - GCN - Thu Phiếu nhận và trả kết quả. | |
| Tổng thời gian thực hiện: | | | 05 ngày | | |

Điều 17. Cơ chế phối hợp để giải quyết thủ tục gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế

1. Thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định tại Khoản 9, Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; Khoản 5, Điều 7 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT.

2. Cơ chế phối hợp:

| STT | Nội dung thực hiện | Cơ quan thực hiện | Thời gian thực hiện | Sản phẩm | Ghi chú |
|-----|---|--|---------------------|---|---------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 01 | - Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. - Gửi hồ sơ đến Phòng TN&MT (hoặc Chi cục QLĐĐ) | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện đối với hộ gia đình cá nhân | 0,25 ngày | - Lập Phiếu nhận và trả kết quả. - Hồ sơ | |

| | | | | | |
|----|---|---|----------|---------------------------------------|---|
| | | (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh) đối với tổ chức | | | |
| 02 | Phòng TN&MT (hoặc Chi cục QLDD) thẩm định nhu cầu sử dụng đất và lập thủ tục trình UBND cấp huyện (hoặc UBND tỉnh) xem xét quyết định gia hạn quyền sử dụng đất | Phòng TN&MT (hoặc Chi cục QLDD) | 01 ngày | Hồ sơ | |
| 03 | UBND cấp huyện (hoặc UBND tỉnh) ký quyết định gia hạn quyền sử dụng đất | UBND cấp huyện (hoặc UBND tỉnh) | 0,5 ngày | Hồ sơ | |
| 04 | Phòng TN&MT (hoặc Chi cục QLDD) chuyển hồ sơ đến CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) để chuyển thông tin địa chính và lập hồ sơ thuê đất theo quy định | Phòng TN&MT (hoặc Chi cục QLDD) | 0,5 ngày | Hồ sơ | |
| 05 | Lập và chuyển thông tin địa chính đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 0,5 ngày | Phiếu chuyển thông tin | Tổng thời gian thực hiện tại điểm này không quá 3,5 ngày |
| | Xác định nghĩa vụ tài chính và trả kết quả | Cơ quan thuế cấp huyện (hoặc Cục thuế tỉnh) | 03 ngày | Thông báo thuế | |
| 06 | Thông báo người đề nghị cấp GCN thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận lại chứng từ nộp tiền vào NSNN | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | | Chứng từ | Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục cấp GCN |
| 07 | Phòng TN&MT (hoặc Chi cục QLDD) lập thủ tục cho thuê đất theo quy định | Phòng TN&MT (hoặc Chi cục QLDD) | 0,5 ngày | Hồ sơ | |
| 08 | UBND cấp huyện (hoặc Sở TN&MT) ký hợp đồng cho thuê đất | UBND cấp huyện (hoặc Sở TN&MT) | 0,5 ngày | Hồ sơ | |
| 09 | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) kiểm tra hồ sơ, chính lý GCN | CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 0,5 ngày | Hồ sơ | |
| 10 | Quét (Scan) hồ sơ, GCN và lưu và cập nhật hồ sơ địa chính theo quy định. Chuyển GCN cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp | CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 0,5 ngày | - Hồ sơ đã duyệt - GCN đã chính lý | |

| | | | | | |
|----|--|--|----------------|---|--|
| | huyện (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh) để trả GCN cho người được cấp giấy | | | | |
| 11 | Trả kết quả cho người đề nghị cấp GCN; xuất phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ để lưu theo hồ sơ cấp GCN | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh) | 0,25 ngày | - Giấy CN - Thu Phiếu nhận và trả kết quả. | |
| | Tổng thời gian thực hiện: | | 07 ngày | | |

Điều 18. Cơ chế phối hợp để giải quyết thủ tục xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu

1. Thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định tại Khoản 10, Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT.

2. Cơ chế phối hợp:

| ST T | Nội dung thực hiện | Cơ quan thực hiện | Thời gian thực hiện | Sản phẩm | Ghi chú |
|------|---|--|---------------------|---|--|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 01 | - Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. - Gửi hồ sơ đến CN.VPĐKĐĐ | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | 0,5 ngày | - Lập Phiếu nhận và trả kết quả. - Hồ sơ | |
| 02 | Xác nhận thay đổi vào GCN đã cấp | | | | |
| | CN. VPĐKĐĐ kiểm tra hồ sơ, chỉnh lý GCN | CN. VPĐKĐĐ | 3,5 ngày | Hồ sơ | |
| 02 | Cấp mới GCN | | | | Tổng thời gian thực hiện tại điểm này không quá 05 ngày |
| | Kiểm tra hồ sơ, xác nhận đơn; nhập thông tin in GCN, hoàn chỉnh hồ sơ chuyển VPĐKĐĐ | CN. VPĐKĐĐ | 02 ngày | Hồ sơ | |
| | Kiểm tra trình tự, thủ tục pháp lý của hồ sơ, in GCN | VPĐKĐĐ | 02 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |
| | Hoàn chỉnh hồ sơ trình LĐ VPĐKĐĐ xem xét ký GCN | Phòng ĐK&CGCN | 01 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |
| 03 | Quét (Scan) hồ sơ, GCN và lưu và cập nhật hồ sơ địa chính theo quy định, | - CN.VPĐKĐĐ - VPĐKĐĐ | 0,5 ngày | - Giấy CN - Hồ sơ đã duyệt | |

| | | | | | |
|----------------------------------|--|--|----------|---|--|
| | chuyển GCN cho CN. VPĐKĐĐ, chuyển GCN, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | | | | |
| 05 | Trả kết quả cho người đề nghị cấp GCN; xuất phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ để lưu theo hồ sơ cấp GCN | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | 0,5 ngày | - Giấy CN - Thu Phiếu nhận và trả kết quả. | |
| Tổng thời gian thực hiện: | | | | - Xác nhận GCN: 05 ngày - Cấp mới GCN: 10 ngày | |

Điều 19. Cơ chế phối hợp để giải quyết thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa đất

1. Thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định tại Khoản 11, Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT.

2. Cơ chế phối hợp:

| STT | Nội dung thực hiện | Cơ quan thực hiện | Thời gian thực hiện | Sản phẩm | Ghi chú |
|-----|--|--|---------------------|--|--|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 01 | - Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. - Gửi hồ sơ đến CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện đối với hộ gia đình cá nhân (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tình) đối với tổ chức | 0,5 ngày | - Lập Phiếu nhận và trả kết quả. - Hồ sơ | |
| 02 | CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính | - CN. VPĐKĐĐ - VPĐKĐĐ | 08 ngày | Hồ sơ | |
| | Thông báo, công khai bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất nếu người sử dụng đất liền kề vắng mặt trong suốt thời gian đo đạc | UBND cấp xã | 15 ngày | - Bản mô tả ranh giới, mốc giới - Thông báo | Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính |
| 03 | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính | - CN. VPĐKĐĐ - VPĐKĐĐ | 05 ngày | - GCN - Hồ sơ đã duyệt | |
| 07 | Chuyển bản trích đo địa chính thửa đất cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công | - CN. VPĐKĐĐ - VPĐKĐĐ | 01 ngày | GCN | |

| | | | | | |
|----|--|--|--|---|--|
| | tỉnh) để trao cho người sử dụng đất | | | | |
| 08 | Trả kết quả cho người đề nghị tách thửa; xuất phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ để lưu theo hồ sơ | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh) | 0,5 ngày | - GCN - Thu Phiếu nhận và trả kết quả. | |
| | Tổng thời gian thực hiện: | | - 15 ngày - Trường hợp in mới GCN tăng thêm 05 ngày | | |

Điều 20. Cơ chế phối hợp để giải quyết thủ tục đăng ký xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất

1. Thành phần hồ sơ thực hiện theo Khoản 3, Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT.

2. Cơ chế phối hợp:

| STT | Nội dung thực hiện | Cơ quan thực hiện | Thời gian thực hiện | Sản phẩm | Ghi chú |
|-----|--|--|---------------------|---|---------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 01 | - Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. - Gửi hồ sơ đến CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện đối với hộ gia đình cá nhân (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh) đối với tổ chức | 0,5 ngày | - Lập Phiếu nhận và trả kết quả. - Hồ sơ | |
| 02 | CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) kiểm tra hồ sơ, xác nhận vào đơn | - CN.VPĐKĐĐ - VPĐKĐĐ | 0,5 ngày | - GCN - Hồ sơ đã duyệt | |
| | CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) kiểm tra hồ sơ, xác nhận vào đơn, giấy chứng nhận nội dung đăng ký. | - CN.VPĐKĐĐ - VPĐKĐĐ | 01 ngày | - GCN - Hồ sơ đã duyệt | |
| 03 | Quét (Scan) hồ sơ, GCN và lưu và cập nhật hồ sơ địa chính theo quy định | - CN.VPĐKĐĐ - VPĐKĐĐ | 0,5 ngày | Hồ sơ | |
| 04 | Chuyển GCN cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh) để trao cho người được cấp giấy. | - CN.VPĐKĐĐ - VPĐKĐĐ | 0,5 ngày | GCN | |

| | | | | | |
|----------------------------------|--|---|----------------|---|--|
| 05 | Trả kết quả cho người đề nghị cấp GCN; xuất phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ để lưu theo hồ sơ cấp GCN | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công) | | - GCN - Thu Phiếu nhận và trả kết quả. | |
| Tổng thời gian thực hiện: | | | 03 ngày | | |

Điều 21. Cơ chế phối hợp để giải quyết thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng

1. Thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 10 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT.

2. Cơ chế phối hợp:

| STT | Nội dung thực hiện | Cơ quan thực hiện | Thời gian thực hiện | Sản phẩm | Ghi chú |
|---|---|--|---------------------|--|--|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 01 | - Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. - Gửi hồ sơ đến CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện Đối với hộ gia đình cá nhân (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh) đối với tổ chức | 0,5 ngày | - Lập Phiếu nhận và trả kết quả. - Hồ sơ | |
| Trường hợp phải đo đạc xác định lại diện tích, kích thước thửa đất | | | | | |
| 02 | CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) đo đạc chính lý bản đồ địa chính | - CN.VPĐKĐĐ - VPĐKĐĐ | 05 ngày | Hồ sơ | |
| | Thông báo, công khai bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất nếu người sử dụng đất liên hệ vắng mặt trong suốt thời gian đo đạc | UBND cấp xã | 15 ngày | - Bản mô tả ranh giới, mốc giới - Thông báo | Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính |
| Trường hợp không phải đo đạc xác định lại diện tích, kích thước thửa đất | | | | | |
| 03 | CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) kiểm tra hồ sơ, xác nhận vào đơn lý do cấp đổi GCN; nhập thông tin in GCN, hoàn chỉnh hồ sơ chuyển VPĐKĐĐ | - CN.VPĐKĐĐ - VPĐKĐĐ | 02 ngày | Hồ sơ | |
| 04 | VPĐKĐĐ kiểm tra trình tự, thủ tục pháp lý của hồ sơ, in GCN | VPĐKĐĐ | 01 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |

| | | | | | |
|----------------------------------|---|--|----------|--|--|
| 05 | Hoàn chỉnh hồ sơ trình LĐ VPĐKĐĐ xem xét ký GCN | Phòng ĐK&CGCN | 1,5 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |
| 06 | Quét (Scan) hồ sơ, GCN và lưu và cập nhật hồ sơ địa chính theo quy định | - CN.VPĐKĐĐ - VPĐKĐĐ | 0,5 ngày | - GCN - Hồ sơ đã duyệt | |
| 07 | Chuyên GCN cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh) để trao GCN cho người được cấp giấy | - CN.VPĐKĐĐ - VPĐKĐĐ | 01 ngày | GCN | |
| 08 | Trả kết quả cho người đề nghị cấp GCN; xuất phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ để lưu theo hồ sơ cấp GCN | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh) | 0,5 ngày | - GCN - Thu Phiếu nhận và trả kết quả. | |
| Tổng thời gian thực hiện: | | | | - Đo đạc: 12 ngày. - Không đo đạc: 07 ngày. | |

Điều 22. Cơ chế phối hợp để giải quyết thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Giấy chứng nhận cho người nhận thừa kế (người được cấp Giấy chứng nhận chết) hoặc cấp lại Trang bổ sung Giấy chứng nhận do bị mất

1. Thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 10 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT.

Trong trường hợp người sử dụng đất yêu cầu giải quyết thủ tục tại Điều 22 Quy định này đồng thời với thủ tục nhận thừa kế quyền sử dụng đất thì thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 7 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT.

2. Cơ chế phối hợp:

| ST T | Nội dung thực hiện | Cơ quan thực hiện | Thời gian thực hiện | Sản phẩm | Ghi chú |
|------|--|--|---------------------|--|---------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 01 | - Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ - Gửi hồ sơ đến CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện đối với hộ gia đình cá nhân (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh) đối với tổ chức | 0,5 ngày | - Lập Phiếu nhận và trả kết quả - Hồ sơ | |

| | | | | | |
|--|---|---|----------|--|--|
| | Thông báo mất Giấy chứng nhận hoặc mất trang bổ sung GCN | | | | |
| 02 | - UBND cấp xã nơi có đất tiếp nhận hồ sơ, niêm yết thông báo mất GCN hoặc mất trang bổ sung GCN tại trụ sở UBND cấp xã nơi có đất đối với hộ gia đình, cá nhân và gửi hồ sơ đến CN. VPĐKĐĐ để thực hiện tiếp tục trình tự | UBND cấp xã | 15 ngày | Thông báo | Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục cấp GCN |
| | - Thông báo đăng tin 03 kỳ trên phương tiện thông tin đại chúng đối với tổ chức | Báo hoặc Đài truyền hình | 30 ngày | Thông báo | |
| Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận phải đo đạc xác định lại diện tích, kích thước thửa đất | | | | | |
| 03 | CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) đo đạc chính lý bản đồ địa chính | CN. VPĐKĐĐ - VPĐKĐĐ | 05 ngày | Hồ sơ | Tổng thời gian thực hiện không quá 05 ngày; Không tính thời gian Thông báo, công khai bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất nếu người sử dụng đất liền kề vắng mặt trong suốt thời gian đo đạc |
| | Thông báo, công khai bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất nếu người sử dụng đất liền kề vắng mặt trong suốt thời gian đo đạc | UBND cấp xã | 15 ngày | - Bản mô tả ranh giới, mốc giới - Thông báo | |
| Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận không phải đo đạc xác định lại diện tích, kích thước thửa đất | | | | | |
| 03 | CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) trích lục địa chính hoặc trích đo địa chính thửa đất đối với trường hợp cấp lại giấy mất | CN.VPĐKĐĐ - VPĐKĐĐ | 02 ngày | Hồ sơ | |
| Trường hợp cấp lại cho người nhận thừa kế | | | | | |
| 04 | Lập và chuyển thông tin địa chính đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 0,5 ngày | Phiếu chuyển thông tin | Tổng thời gian thực hiện ở điểm này không quá 3,5 ngày |
| | Xác định nghĩa vụ tài chính và trả kết quả | Cơ quan thuế cấp huyện (hoặc Cục thuế tỉnh) | 03 ngày | Thông báo thuế | |
| 05 | Thông báo người đề nghị cấp GCN thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận lại chứng từ nộp tiền vào NSNN | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | | Chứng từ | Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục cấp GCN |

| Trường hợp cấp lại cho người được cấp Giấy chứng nhận | | | | | |
|---|--|---|----------|---|--|
| 06 | CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) kiểm tra hồ sơ, xác nhận vào đơn lý do cấp lại GCN, cấp lại trang bổ sung; dự thảo tờ trình, quyết định hủy và cấp lại GCN hoặc trang bổ sung bị mất; nhập thông tin in GCN đối với cấp lại GCN, chuyển VPĐKĐĐ | - CN.VPĐKĐĐ - VPĐKĐĐ | 1,5 ngày | Hồ sơ | |
| 07 | Kiểm tra trình tự, thủ tục pháp lý của hồ sơ; in giấy chứng nhận đối với cấp lại GCN; trình ký tờ trình hủy và cấp lại GCN, trang bổ sung | - VPĐKĐĐ - VP Sở TN&MT | 1,5 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |
| 08 | Hoàn chỉnh hồ sơ trình LĐ Sở TN&MT xem xét ký quyết định hủy và cấp lại GCN và LĐ VPĐKĐĐ ký GCN hoặc quyết định hủy và cấp lại trang bổ sung, chuyển kết quả cho VPĐKĐĐ | - VP Sở TN&MT - LĐ Sở TN&MT | 1,5 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |
| 09 | Quét (Scan) hồ sơ, GCN và lưu và cập nhật hồ sơ địa chính theo quy định | - CN.VPĐKĐĐ - VPĐKĐĐ | 0,5 ngày | - GCN - Hồ sơ đã duyệt | |
| 10 | Chuyển GCN cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh) để trao cho người được cấp giấy. | - CN.VPĐKĐĐ - VPĐKĐĐ | 0,5 ngày | GCN | |
| 11 | Trả kết quả cho người đề nghị cấp GCN; xuất phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ để lưu theo hồ sơ cấp GCN | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh) | 0,5 ngày | - Giấy CN - Thu Phiếu nhận và trả kết quả. | |
| Tổng thời gian thực hiện: | | <ul style="list-style-type: none"> - Mất GCN không đo đạc: 10 ngày. - Mất GCN đo đạc: 15 ngày. - Mất GCN, Thừa kế, đo đạc: 17 ngày. - Mất trang bổ sung: 08 ngày. | | | |

Điều 23. Cơ chế phối hợp để giải quyết thủ tục đính chính Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đã cấp

1. Thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 10 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT.

2. Cơ chế phối hợp:

| STT | Nội dung thực hiện | Cơ quan thực hiện | Thời gian thực hiện | Sản phẩm | Ghi chú |
|--|--|--|--------------------------|---|--|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 01 | - Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. - Gửi hồ sơ đến CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện đối với hộ gia đình cá nhân (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh) đối với tổ chức | 0,5 ngày | - Lập Phiếu nhận và trả kết quả. - Hồ sơ | |
| 02 | CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) kiểm tra, lập biên bản kết luận về nội dung, nguyên nhân sai sót | - CN.VPĐKĐĐ - VPĐKĐĐ | 01 ngày | - Hồ sơ - Biên bản | |
| 03 | Xác nhận thay đổi vào GCN nhận đã cấp | | | | |
| | CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) lập hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền đính chính vào GCN đã cấp | - CN.VPĐKĐĐ - VPĐKĐĐ | 01 ngày | - Hồ sơ - GCN | Tổng thời gian thực hiện tại điểm này không quá 03 ngày |
| UBND cấp huyện (hoặc UBND tỉnh); Sở TN&MT đính chính GCN, chuyển kết quả cho CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | - UBND huyện - UBND tỉnh - Sở TN&MT | 02 ngày | - Hồ sơ - GCN | | |
| 03 | Cấp mới GCN | | | | |
| | CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) kiểm tra hồ sơ nhập thông tin in GCN, hoàn chỉnh hồ sơ chuyển VPĐKĐĐ | - CN.VPĐKĐĐ - VPĐKĐĐ) | 02 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | Tổng thời gian thực hiện tại điểm này không quá 05 ngày |
| | Kiểm tra trình tự, thủ tục pháp lý của hồ sơ, in GCN | VPĐKĐĐ | 01 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |
| Hoàn chỉnh hồ sơ trình LĐ VPĐKĐĐ xem xét ký GCN | Phòng ĐK&CGCN | 02 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | | |

| | | | | | |
|----------------------------------|---|--|----------|---|--|
| 04 | Quét (Scan) hồ sơ, GCN và lưu và cập nhật hồ sơ địa chính theo quy định, chuyển CN. VPĐKĐĐ | - CN.VPĐKĐĐ - VPĐKĐĐ | 0,5 ngày | - GCN - Hồ sơ đã duyệt | |
| 05 | Chuyên GCN cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh) để trao GCN cho người được cấp giấy | - CN.VPĐKĐĐ - VPĐKĐĐ | 0,5 ngày | GCN | |
| 06 | Trả kết quả cho người đề nghị cấp GCN; xuất phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ để lưu theo hồ sơ cấp GCN | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh) | 0,5 ngày | - Giấy CN - Thu Phiếu nhận và trả kết quả. | |
| Tổng thời gian thực hiện: | | | | - Xác nhận GCN: 06 ngày. - Cấp mới GCN: 08 ngày. | |

Điều 24. Cơ chế phối hợp để giải quyết thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai (trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP)

1. Thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Điều 10 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT.

2. Cơ chế phối hợp:

| STT | Nội dung thực hiện | Cơ quan thực hiện | Thời gian thực hiện | Sản phẩm | Ghi chú |
|-----|---|--|---------------------|---|---------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 01 | - Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. - Gửi hồ sơ đến CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện đối với hộ gia đình cá nhân (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh) đối với tổ chức | 0,5 ngày | - Lập Phiếu nhận và trả kết quả. - Hồ sơ | |
| 02 | CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) kiểm tra, lập hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền quyết định thu hồi GCN đã cấp; In GCN và lập thủ tục cấp lại GCN theo quy định chuyển | - CN.VPĐKĐĐ - VPĐKĐĐ | 04 ngày | - Hồ sơ - GCN | |

| | | | | | |
|----|---|--|----------------|---|--|
| | Phòng TN&MT (hoặc Chi cục QLDD) | | | | |
| 03 | Kiểm tra trình tự, thủ tục pháp lý của hồ sơ | - Phòng TN&MT - Chi cục QLDD | 01 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |
| 04 | Hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND cấp có thẩm quyền xem xét ký GCN, chuyển kết quả cho CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | - Phòng TN&MT - Chi cục QLDD - UBND cấp có thẩm quyền | 02 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |
| 05 | Quét (Scan) hồ sơ, GCN và lưu và cập nhật hồ sơ địa chính theo quy định | - CN.VPĐKĐĐ - VPĐKĐĐ | 01 ngày | - GCN - Hồ sơ đã duyệt | |
| 06 | Chuyển GCN cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện huyện (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh) để trao GCN cho người được cấp giấy | - CN.VPĐKĐĐ - VPĐKĐĐ | 01 ngày | - GCN | |
| 07 | Trả kết quả cho người đề nghị cấp GCN; xuất phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ để lưu theo hồ sơ cấp GCN | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh) | 0,5 ngày | - GCN - Thu Phiếu nhận và trả kết quả. | |
| | Tổng thời gian thực hiện: | | 10 ngày | | |

Điều 25. Cơ chế phối hợp để giải quyết thủ tục Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền

1. Thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 11 Thông tư số 02/2015/TT- BTNMT

2. Cơ chế phối hợp:

| STT | Nội dung thực hiện | Cơ quan thực hiện | Thời gian thực hiện | Sản phẩm | Ghi chú |
|-----|---|--|---------------------|---|---------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 01 | - Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. - Gửi hồ sơ đến CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện đối với hộ gia đình cá nhân (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh) đối với tổ chức | 0,5 ngày | - Lập Phiếu nhận và trả kết quả. - Hồ sơ | |
| 02 | CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) kiểm tra hồ sơ, | - CN.VPĐKĐĐ - VPĐKĐĐ | 06 ngày | - Hồ sơ - GCN | |

| | | | | | |
|----|--|---|----------------|---|--|
| | xác minh thực địa (nếu cần), xác nhận đơn đăng ký; chỉnh lý GCN | | | | |
| 03 | Quét (Scan) hồ sơ, GCN để lưu và cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định | CN.VPĐKĐĐ VPĐKĐĐ | 0,5 ngày | - GCN; - Hồ sơ đã duyet. | |
| 04 | Chuyển GCN cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện huyện (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh) để trao GCN cho người được cấp giấy | CN.VPĐKĐĐ VPĐKĐĐ | 0,5 ngày | - GCN. | |
| 05 | Trả kết quả cho người đề nghị cấp GCN; xuất phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ để lưu theo hồ sơ cấp GCN | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh) | 0,5 ngày | - GCN - Thu Phiếu nhận và trả kết quả. | |
| | Tổng thời gian thực hiện: | | 08 ngày | | |

Điều 26. Cơ chế phối hợp để giải quyết thủ tục Chuyển mục đích sử dụng đất phải xin phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

1. Thành phần hồ sơ thực hiện theo Điều 6 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT.

Trường hợp khi phối hợp giải quyết thủ tục tại Điều 26 Quy định này mà phải thuê đất thì thực hiện đồng thời việc thuê đất, thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT.

Trường hợp khi phối hợp giải quyết thủ tục tại Điều 26 Quy định này mà phải tách thửa đất hoặc cấp đổi giấy chứng nhận thì thực hiện đồng thời việc tách thửa đất hoặc cấp đổi, thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 10 hoặc Điều 11 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT.

2. Cơ chế phối hợp:

| STT | Nội dung thực hiện | Cơ quan thực hiện | Thời gian thực hiện | Sản phẩm | Ghi chú |
|-----|---|--|---------------------|---|---------|
| 01 | - Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. - Gửi hồ sơ đến phòng TN&MT (Chi cục QLĐĐ). | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh) | 0,5 ngày | - Lập Phiếu nhận và trả kết quả. - Hồ sơ | |
| 02 | - Phòng TN&MT (Chi cục QLĐĐ) thẩm tra hồ sơ, xác minh thực địa | - Phòng TN&MT - Chi cục QLĐĐ | 02 ngày | - Hồ sơ | |

| | | | | | |
|----|---|---|---------|--|---|
| | (nếu cần thiết), chuyển hồ sơ đến CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | | | | |
| 03 | Trích lục bản đồ địa chính, chuyển hồ sơ đến phòng TN&MT (Chi cục QLĐĐ) | | | | Tổng thời gian thực hiện ở điểm này không quá 05 ngày |
| | - Trường hợp không phải tách thửa đất | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 03 ngày | - Trích lục - Hồ sơ đã xác nhận | |
| | - Trường hợp phải tách thửa đất | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 05 ngày | - Biên bản - Trích lục - Hồ sơ đã xác nhận | |
| 04 | Kiểm tra trình tự, thủ tục pháp lý của hồ sơ, lập Tờ trình, dự thảo Quyết định chuyển mục đích | - Phòng TN&MT - Chi cục QLĐĐ | 01 ngày | - Hồ sơ theo mục 2 - Tờ trình, dự thảo QĐ | |
| 05 | Hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND cấp có thẩm quyền xem xét ký Quyết định chuyển mục đích, chuyển kết quả cho CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | - Phòng TN&MT - Chi cục QLĐĐ - UBND cấp có thẩm quyền | 02 ngày | - Hồ sơ - Quyết định | |
| 06 | Lập và chuyển thông tin địa chính đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 01 ngày | Phiếu chuyển thông tin | Tổng thời gian thực hiện ở điểm này không quá 04 ngày |
| | Xác định nghĩa vụ tài chính và trả kết quả | Cơ quan thuế cấp huyện (hoặc Cục thuế tỉnh) | 03 ngày | Thông báo thuế | |
| 07 | Thông báo người đề nghị cấp GCN thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận lại chứng từ nộp tiền vào NSNN | CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | | Chứng từ | Không tính thời gian giải quyết |

| | | | | | |
|---|--|---|----------|--|--|
| | Trường hợp phải thuê đất: | | | | |
| 08 | Gửi hồ sơ đến phòng TN&MT (Chi cục QLDD). | CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 0,5 ngày | | Tổng thời gian thực hiện ở điểm này không quá 3,5 ngày |
| | Kiểm tra trình tự, thủ tục pháp lý của hồ sơ, lập dự thảo Quyết định cho thuê đất | - Phòng TN&MT - Chi cục QLDD | 01 ngày | - Hồ sơ - Quyết định - Chứng từ nộp thuế | |
| | Hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND cấp có thẩm quyền xem xét ký Quyết định cho thuê đất, chuyển kết quả cho CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | - Phòng TN&MT - Chi cục QLDD - UBND cấp có thẩm quyền | 02 ngày | - Hồ sơ - Quyết định - Chứng từ nộp thuế | |
| Xác nhận thay đổi vào GCN đã cấp | | | | | Tổng thời gian thực hiện ở điểm này không quá 1 ngày |
| 09 | CN.VPĐKĐĐ xác nhận thay đổi vào GCN đã cấp | CN.VPĐKĐĐ | 01 ngày | Hồ sơ | |
| Cấp mới Giấy chứng nhận | | | | | |
| 10 | CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) nhập thông tin in GCN. | - CN.VPĐKĐĐ - VPĐKĐĐ | 02 ngày | - Hồ sơ cấp GCN | Tổng thời gian thực hiện ở điểm này không quá 5,5 ngày |
| | In GCN, hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND cấp huyện (hoặc UBND tỉnh) ký GCN | VPĐKĐĐ | 1,5 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |
| | Ký GCN, chuyển kết quả cho VPĐKĐĐ | Lãnh đạo UBND cấp huyện (hoặc UBND tỉnh) | 02 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |
| 11 | Quét (Scan) hồ sơ, GCN để lưu và cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định, chuyển GCN cho CN. VPĐKĐĐ | VPĐKĐĐ | 01 ngày | - GCN - Hồ sơ đã duyệt | |
| 12 | Trả kết quả cho người đề nghị cấp GCN; xuất | Bộ phận tiếp nhận và trả kết | 0,5 ngày | - Quyết định | |

| | | | | | |
|--|--|--|--|-------------------------------------|--|
| | phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ để lưu theo hồ sơ cấp GCN | quả cấp huyện (hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh)) | | - GCN Hợp đồng thuê đất (nếu có) | |
| | Tổng thời gian thực hiện | | <ul style="list-style-type: none"> - Chuyển mục đích trọt thửa không thuê đất: 15 ngày. - Chuyển mục đích trọt thửa có thuê đất: 18,5 ngày. - Chuyển mục đích phải thực hiện tách thửa hoặc in mới không thuê đất: 21,5 ngày. - Chuyển mục đích phải thực hiện tách thửa hoặc in mới có thuê đất: 25 ngày. | | |

Điều 27. Cơ chế phối hợp để giải quyết thủ tục Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất

1. Thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 13 Thông tư số 02/2015/TT- BTNMT.

2. Cơ chế phối hợp:

| STT | Nội dung thực hiện | Cơ quan thực hiện | Thời gian thực hiện | Sản phẩm | Ghi chú |
|-----|---|--|---------------------|---|--|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 01 | - Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. - Gửi hồ sơ đến VPĐKĐĐ | Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh | 0,5 ngày | - Lập Phiếu nhận và trả kết quả. - Hồ sơ | |
| 02 | VPĐKĐĐ kiểm tra hồ sơ | VPĐKĐĐ | 01 ngày | Hồ sơ | |
| 03 | Lập và chuyển thông tin địa chính đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính | VPĐKĐĐ | 0,5 ngày | Phiếu chuyển thông tin | Tổng thời gian thực hiện tại điểm này không quá 3,5 ngày |
| | Xác định nghĩa vụ tài chính và trả kết quả | Cơ quan thuế | 03 ngày | Thông báo thuế | |
| 04 | Thông báo người đề nghị cấp GCN thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận lại chứng từ nộp tiền vào NSNN | VPĐKĐĐ | | Chứng từ | Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục cấp GCN |
| 05 | Xác nhận thay đổi vào GCN đã cấp | | | | |
| | VPĐKĐĐ xác nhận thay đổi vào GCN đã cấp | VPĐKĐĐ | 1,5 ngày | Hồ sơ | Thời gian thực hiện tại điểm này không quá 02 ngày |
| 05 | Cấp mới Giấy chứng nhận | | | | Tổng thời |

| | | | | | |
|----|--|--|----------|---|--|
| | Kiểm tra trình tự, thủ tục pháp lý của hồ sơ, in GCN | VPĐKĐĐ | 02 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | gian thực hiện tại điểm này không quá 04 ngày |
| | Hoàn chỉnh hồ sơ trình LĐ VPĐKĐĐ xem xét ký GCN | Phòng ĐK&CGCN | 02 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |
| 06 | Quét (Scan) hồ sơ, GCN để lưu và cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định | VPĐKĐĐ | 0,5 ngày | - GCN - Hồ sơ đã duyệt | |
| 07 | Chuyên GCN đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh để trao GCN cho người được cấp giấy | VPĐKĐĐ | 0,5 ngày | Giấy CN | |
| 08 | Trả kết quả cho người đề nghị cấp GCN; xuất phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ để lưu theo hồ sơ cấp GCN | Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh | 0,5 ngày | - Giấy CN - Thu Phiếu nhận và trả kết quả. | |
| | Tổng thời gian thực hiện: | | | - Xác nhận GCN: 07 ngày. - Cấp mới GCN: 10 ngày. | |

Điều 28. Cơ chế phối hợp để giải quyết thủ tục Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất

1. Thành phần hồ sơ thực hiện theo Điều 4 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT

2. Cơ chế phối hợp:

| ST T | Nội dung thực hiện | Cơ quan thực hiện | Thời gian thực hiện | Sản phẩm | Ghi chú |
|------|---|--|---------------------|---|--------------------------|
| 01 | - Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. - Gửi hồ sơ đến phòng TN&MT (Chi cục QLĐĐ). | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) | 0,5 ngày | - Lập Phiếu nhận và trả kết quả. - Hồ sơ | |
| 02 | - Phòng TN&MT (Chi cục QLĐĐ) thẩm tra hồ sơ, chuyển hồ sơ đến CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | - Phòng TN&MT - Chi cục QLĐĐ | 01 ngày | - Hồ sơ | |
| 03 | Trích lục bản đồ địa chính, chuyển hồ sơ đến phòng TN&MT (Chi cục QLĐĐ). | | | | Tổng thời gian thực hiện |

| | | | | | |
|----|--|---|----------|--|--|
| | - Trường hợp không cần xác minh thực địa, trích lục bản đồ địa chính | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 02 ngày | - Trích lục - Hồ sơ đã xác nhận | tại điểm này không quá 03 ngày |
| | - Trường hợp cần phải xác minh thực địa, trích lục bản đồ địa chính | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 03 ngày | - Biên bản - Trích lục - Hồ sơ đã xác nhận | |
| 04 | Kiểm tra trình tự, thủ tục pháp lý của hồ sơ, lập Tờ trình, dự thảo Quyết định giao đất, cho thuê đất | - Phòng TN&MT - Chi cục QLDD | 01 ngày | - Hồ sơ theo mục 2 - Tờ trình, dự thảo QĐ | |
| 05 | Hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND cấp có thẩm quyền xem xét ký Quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển kết quả cho CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | - Phòng TN&MT - Chi cục QLDD - UBND cấp có thẩm quyền | 1,5 ngày | - Hồ sơ - Quyết định | |
| 06 | Lập và chuyển thông tin địa chính đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 0,5 ngày | Phiếu chuyển thông tin | Tổng thời gian thực hiện ở điểm này không quá 3,5 ngày |
| 07 | Xác định nghĩa vụ tài chính và trả kết quả | Cơ quan thuế cấp huyện (hoặc Cục thuế tỉnh) | 03 ngày | Thông báo thuế | |
| 08 | Thông báo người đề nghị cấp GCN thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận lại chứng từ nộp tiền vào NSNN | CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | | Chứng từ | Không tính thời gian giải quyết |
| 09 | Nhập thông tin, in GCN, hoàn chỉnh hồ sơ chuyển Phòng TN&MT cấp huyện (hoặc Chi cục QLDD) | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 01 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |

| | | | | | |
|---------------------------|--|---|----------------|---|--|
| 10 | Kiểm tra trình tự, thủ tục pháp lý của hồ sơ, dự thảo hợp đồng thuê đất (nếu có) | Phòng TN&MT cấp huyện (hoặc Chi cục QLDD) | 0,5 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |
| 11 | Hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND cấp huyện (hoặc UBND tỉnh) xem xét ký GCN, hợp đồng; chuyên kết quả cho CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | - Phòng Tài nguyên và Môi trường (Phòng TN&MT) cấp huyện (hoặc Sở TN&MT) - UBND cấp huyện (hoặc UBND tỉnh) | 01 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |
| 12 | Quét (Scan) hồ sơ, GCN để lưu và cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định | - VPĐKĐĐ - CN.VPĐKĐĐ | 0,5 ngày | - GCN - Hồ sơ đã duyệt | |
| 13 | Trả kết quả cho người đề nghị cấp GCN; xuất phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ để lưu theo hồ sơ cấp GCN | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) | 0,5 ngày | - Quyết định - GCN. - Hợp đồng (nếu có) | |
| Tổng thời gian thực hiện: | | | 14 ngày | | |

Điều 29. Cơ chế phối hợp để giải quyết thủ tục xác định lại diện tích đất ở cho hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận

1. Thành phần hồ sơ thực hiện theo Mục 13, Khoản 6, Điều 7 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT

2. Cơ chế phối hợp:

| STT | Nội dung thực hiện | Cơ quan thực hiện | Thời gian thực hiện | Sản phẩm | Ghi chú |
|-----|--|--|---------------------|---|---------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 01 | - Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, ghi Phiếu nhận và trả kết quả. - Gửi hồ sơ đến CN.VPĐKĐĐ | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | 0,5 ngày | - Lập Phiếu nhận và trả kết quả. - Hồ sơ | |
| 02 | CN.VPĐKĐĐ kiểm tra hồ sơ khi cấp GCN trước đây; nhập thông tin in GCN, hoàn chỉnh hồ sơ chuyên | CN.VPĐKĐĐ | 03 ngày | Hồ sơ | |

| | | | | | |
|----|--|--|----------------|---|--|
| | VPĐKĐĐ | | | | |
| 03 | VPĐKĐĐ kiểm tra trình tự, thủ tục pháp lý của hồ sơ, in GCN | VPĐKĐĐ | 02 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |
| 04 | Hoàn chỉnh hồ sơ trình LĐ VPĐKĐĐ xem xét ký GCN | Phòng ĐK&CGCN | 02 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |
| 06 | Quét (Scan) hồ sơ, GCN và lưu và cập nhật hồ sơ địa chính theo quy định | VPĐKĐĐ | 0,5 ngày | - GCN - Hồ sơ đã duyệt | |
| 07 | Chuyên GCN cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện để trao GCN cho người được cấp giấy | CN.VPĐKĐĐ | 01 ngày | GCN | |
| 08 | Trả kết quả cho người đề nghị cấp GCN; xuất phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ để lưu theo hồ sơ cấp GCN | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | 0,5 ngày | - GCN - Thu Phiếu nhận và trả kết quả. | |
| | Tổng thời gian thực hiện: | | 10 ngày | | |

Điều 30. Cơ chế phối hợp để giải quyết thủ tục đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp

1. Thành phần hồ sơ thực hiện theo Mục 14, Khoản 6, Điều 7 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT

2. Cơ chế phối hợp:

| ST T | Nội dung thực hiện | Cơ quan thực hiện | Thời gian thực hiện | Sản phẩm | Ghi chú |
|---|--|--|---------------------|---|---------|
| 01 | - Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. - Gửi hồ sơ đến phòng VPĐKĐĐ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 0,5 ngày | - Lập Phiếu nhận và trả kết quả. - Hồ sơ | |
| Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đã được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm | | | | | |
| 02 | - VPĐKĐĐ kiểm tra hồ sơ, xác nhận thay đổi vào GCN đã cấp | VPĐKĐĐ | 02 ngày | - Hồ sơ | |
| 03 | - VPĐKĐĐ thông báo cho UBND cấp huyện về | VPĐKĐĐ | 02 ngày | | |

| | | | | | |
|----|---|---------------------------------------|----------|--|--|
| | nội dung biến động về người sử dụng đất để UBND cấp huyện hủy hợp đồng đã ký với hộ gia đình, cá nhân | | | | |
| 04 | Lập và chuyển thông tin địa chính đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính | VPĐKĐĐ | 01 ngày | Phiếu chuyển thông tin | |
| 05 | Xác định nghĩa vụ tài chính và trả kết quả | Cục thuế tỉnh | 03 ngày | Thông báo thuế | |
| 06 | Thông báo người đề nghị cấp GCN thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận lại chứng từ nộp tiền vào NSNN | VPĐKĐĐ | | Chứng từ | Không tính thời gian giải quyết |
| 07 | Trích lục bản đồ địa chính, chuyển hồ sơ đến Chi cục QLĐĐ. | | | | |
| | - Trường hợp không cần xác minh thực địa, trích lục bản đồ địa chính | VPĐKĐĐ | 02 ngày | - Trích lục - Hồ sơ đã xác nhận | Tổng thời gian thực hiện tại điểm này không quá 03 ngày |
| | - Trường hợp cần phải xác minh thực địa, trích lục bản đồ địa chính | VPĐKĐĐ | 03 ngày | - Biên bản - Trích lục - Hồ sơ đã xác nhận | |
| | | | | | |
| 08 | Nhập thông tin, in GCN, hoàn chỉnh hồ sơ chuyển Chi cục QLĐĐ | VPĐKĐĐ | 01 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |
| 09 | Kiểm tra trình tự, thủ tục pháp lý của hồ sơ, dự thảo hợp đồng thuê đất | Chi cục QLĐĐ | 01 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |
| 10 | Hoàn chỉnh hồ sơ trình Sở TNMT xem xét ký GCN, hợp đồng thuê đất; chuyển kết quả cho VPĐKĐĐ | - Chi cục QLĐĐ - Lãnh đạo Sở TN&MT | 1,5 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |

| Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm và không thay đổi mục đích sử dụng đất | | | | | |
|---|---|--|----------|--|---------------------------------|
| 11 | - VPĐKĐĐ kiểm tra hồ sơ, xác nhận thay đổi vào GCN đã cấp | VPĐKĐĐ | 02 ngày | - Hồ sơ | |
| Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nguồn gốc được Nhà nước giao đất, cho thuê đất và có thay đổi mục đích sử dụng đất | | | | | |
| 12 | VPĐKĐĐ kiểm tra hồ sơ, xác nhận thay đổi vào GCN đã cấp, chuyển Chi cục QLĐĐ | VPĐKĐĐ | 02 ngày | - Hồ sơ | |
| 13 | Chi cục QLĐĐ thẩm tra hồ sơ, xác minh thực hiện (nếu cần thiết), xác nhận đơn, chuyển hồ sơ đến VPĐKĐĐ | Chi cục QLĐĐ | 1,5 ngày | - Hồ sơ | |
| 14 | Trích lục bản đồ địa chính, chuyển hồ sơ đến Chi cục QLĐĐ | VPĐKĐĐ | 3,5 ngày | - Hồ sơ | |
| 15 | Kiểm tra trình tự, thủ tục pháp lý của hồ sơ, lập Tờ trình, dự thảo Quyết định chuyển mục đích, cho thuê đất | Chi cục QLĐĐ | 01 ngày | - Hồ sơ theo mục 2 - Tờ trình, dự thảo QĐ | |
| 16 | Hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND cấp có thẩm quyền xem xét ký Quyết định chuyển mục đích, cho thuê đất chuyển kết quả cho VPĐKĐĐ | - Chi cục QLĐĐ - UBND cấp có thẩm quyền | 02 ngày | - Hồ sơ - Quyết định | |
| 17 | Lập và chuyển thông tin địa chính đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính | VPĐKĐĐ | 0,5 ngày | Phiếu chuyển thông tin | |
| 18 | Xác định nghĩa vụ tài chính và trả kết quả | Cục thuế tỉnh | 03 ngày | Thông báo thuế | |
| 19 | Thông báo người đề nghị cấp GCN thực hiện nghĩa | CN.VPĐKĐĐ (hoặc | | Chứng từ | Không tính thời gian giải quyết |

| | | | | | |
|----|--|---|----------|--|--|
| | vụ tài chính và nhận lại chứng từ nộp tiền vào NSNN | VPĐKĐĐ) | | | |
| 20 | Gửi hồ sơ đến Chi cục QLĐĐ | VPĐKĐĐ | 0,5 ngày | - Hồ sơ cấp GCN | |
| 21 | Kiểm tra trình tự, thủ tục pháp lý của hồ sơ, dự thảo hợp đồng thuê đất | Chi cục QLĐĐ | 01 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |
| 22 | Hoàn chỉnh hồ sơ trình Sở TNMT xem xét ký GCN, hợp đồng thuê đất; chuyển kết quả cho VPĐKĐĐ | - Chi cục QLĐĐ - Lãnh đạo Sở TN&MT | 1,5 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |
| 23 | Nhập thông tin, in GCN, hoàn chỉnh hồ sơ chuyển Văn phòng Sở TN&MT | VPĐKĐĐ | 01 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |
| 24 | Hoàn chỉnh hồ sơ trình Sở TNMT xem xét ký GCN, chuyển kết quả cho VPĐKĐĐ | - Văn phòng Sở TN&MT - Lãnh đạo Sở TN&MT | 1,5 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |
| 25 | Quét (Scan) hồ sơ, GCN để lưu và cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định | VPĐKĐĐ | 0,5 ngày | - GCN - Hồ sơ đã duyệt | |
| 26 | Trả kết quả cho người đề nghị cấp GCN; xuất phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ để lưu theo hồ sơ cấp GCN | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 0,5 ngày | - GCN - Thu Phiếu nhận và trả kết quả. | |
| | Tổng thời gian thực hiện: | | | - Trường hợp hộ gia đình, cá nhân thuê đất trả tiền hàng năm: 14,5 ngày. - Trường hợp hộ gia đình, cá nhân không phải thuê đất trả tiền hàng năm và không thay đổi mục đích sử dụng đất: 3,5 ngày. - Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, thuê đất và có thay đổi mục đích sử dụng đất: 22 ngày. | |

Điều 31. Cơ chế phối hợp để giải quyết thủ tục nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn quyền sử dụng đất đồng thời với thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất và thuê đất để thực hiện dự án đầu tư.

1. Thành phần hồ sơ thực hiện theo Khoản 2, Điều 7 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; Điều 4, Điều 6 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT

2. Cơ chế phối hợp:

| STT | Nội dung thực hiện | Cơ quan thực hiện | Thời gian thực hiện | Sản phẩm | Ghi chú |
|-----|--|--|---------------------|---|---|
| 01 | - Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. - Gửi hồ sơ đến VPĐKĐĐ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 0,5 ngày | - Lập Phiếu nhận và trả kết quả. - Hồ sơ | |
| 02 | VPĐKĐĐ kiểm tra hồ sơ | VPĐKĐĐ | 0,5 ngày | Hồ sơ | |
| 03 | Lập và chuyển thông tin địa chính đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính | VPĐKĐĐ | 0,5 ngày | Phiếu chuyển thông tin | |
| 04 | Xác định nghĩa vụ tài chính và trả kết quả | Cục thuế tỉnh | 03 ngày | Thông báo thuế | |
| 05 | Thông báo người đề nghị cấp GCN thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận lại chứng từ nộp tiền vào NSNN | VPĐKĐĐ | | Chứng từ | Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục cấp GCN |
| 06 | VPĐKĐĐ xác nhận thay đổi vào GCN đã cấp, chuyển Chi cục QLĐĐ | VPĐKĐĐ | 01 ngày | Hồ sơ | |
| 07 | Chi cục QLĐĐ thẩm tra hồ sơ, xác minh thực hiện (nếu cần thiết), xác nhận đơn, chuyển hồ sơ đến VPĐKĐĐ | Chi cục QLĐĐ | 02 ngày | - Hồ sơ | |
| 08 | Trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo địa chính thửa đất, chuyển Chi cục QLĐĐ | VPĐKĐĐ | 03 ngày | - Trích lục - Hồ sơ đã xác nhận | |
| 09 | Kiểm tra trình tự, thủ tục | Chi cục QLĐĐ | 01 | - Hồ sơ | |

| | | | | | |
|----|--|--|----------|---|---|
| | pháp lý của hồ sơ, lập Tờ trình, dự thảo Quyết định chuyển mục đích, thuê đất | | ngày | theo mục 2 - Tờ trình, dự thảo QĐ | |
| 10 | Hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND cấp có thẩm quyền xem xét ký Quyết định chuyển mục đích, thuê đất chuyển kết quả cho VPĐKĐĐ | - Chi cục QLĐĐ - UBND cấp có thẩm quyền | 02 ngày | - Hồ sơ - Quyết định | |
| 11 | Lập và chuyển thông tin địa chính đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính | VPĐKĐĐ | 01 ngày | Phiếu chuyển thông tin | Tổng thời gian thực hiện ở điểm này không quá 03 ngày |
| | Xác định nghĩa vụ tài chính và trả kết quả | Cục thuế tỉnh | 02 ngày | Thông báo thuế | |
| 12 | Thông báo người đề nghị cấp GCN thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận lại chứng từ nộp tiền vào NSNN | VPĐKĐĐ | | Chứng từ | Không tính thời gian giải quyết |
| 13 | In GCN, hoàn chỉnh hồ sơ chuyển Chi cục QLĐĐ | VPĐKĐĐ | 1,5 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |
| 14 | Chi cục QLĐĐ dự thảo hợp đồng thuê đất trình LĐ Sở TN&MT xem xét ký hợp đồng thuê đất, GCN, chuyển kết quả cho VPĐKĐĐ | - Chi cục QLĐĐ - LĐ Sở TN&MT | 03 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN - Hợp đồng thuê đất | |
| 15 | Quét (Scan) hồ sơ, GCN để lưu và cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định, chuyển hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | VPĐKĐĐ | 0,5 ngày | - GCN - Hồ sơ đã duyệt | |

| | | | | | |
|----|--|--|--|---------------------------------------|--|
| 16 | Trả kết quả cho người đề nghị cấp GCN; xuất phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ để lưu theo hồ sơ cấp GCN | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | 0,5 ngày | -Quyết định -GCN Hợp đồng thuê đất | |
| | Tổng thời gian thực hiện: | | <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hộ gia đình, cá nhân thuê đất trả tiền hàng năm: 14,5 ngày. - Trường hợp nhận góp vốn của hộ gia đình, cá nhân không phải thuê đất trả tiền hàng năm và không thay đổi mục đích sử dụng đất: 3,5 ngày. - Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, thuê đất và có thay đổi mục đích sử dụng đất: 22 ngày. | | |

Điều 32. Cơ chế phối hợp để giải quyết thủ tục nhận chuyển quyền sử dụng đất đồng thời với thủ tục hợp thửa đất (thửa đất nhận chuyển quyền nhỏ hơn diện tích tối thiểu được phép tách thửa)

1. Thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 7 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT.

2. Cơ chế phối hợp:

| STT | Nội dung thực hiện | Cơ quan thực hiện | Thời gian thực hiện | Sản phẩm | Ghi chú |
|-----|---|--|---------------------|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 01 | - Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. - Gửi hồ sơ đến CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) | 0,5 ngày | - Lập Phiếu nhận và trả kết quả. - Hồ sơ | |
| 02 | CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) kiểm tra hồ sơ | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 01 ngày | Hồ sơ | |
| 03 | Lập và chuyển thông tin địa chính đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 0,5 ngày | Phiếu chuyển thông tin | Tổng thời gian thực hiện ở điểm này không quá 02 ngày |
| | Xác định nghĩa vụ tài chính và trả kết quả | Cơ quan thuế cấp huyện (hoặc Cục thuế tỉnh) | 03 ngày | Thông báo thuế | |
| 04 | Thông báo người đề nghị cấp GCN thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận lại | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | | Chứng từ | Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục |

| | | | | | |
|----|--|--|----------------|---|---------|
| | chứng từ nộp tiền vào NSNN | | | | cấp GCN |
| 05 | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) trích lục hợp thửa đất | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 02 ngày | Hồ sơ | |
| 06 | CN. VPĐKĐĐ kiểm tra hồ sơ, nhập thông tin in GCN, hoàn chỉnh hồ sơ chuyển VPĐKĐĐ | CN.VPĐKĐĐ | 01 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |
| 07 | Kiểm tra trình tự, thủ tục pháp lý của hồ sơ, in GCN | VPĐKĐĐ | 01 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |
| 08 | Hoàn chỉnh hồ sơ trình LĐ VPĐKĐĐ xem xét ký GCN | Phòng ĐK&CGCN | 0,5 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |
| 09 | Quét (Scan) hồ sơ, GCN để lưu và cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định; chuyển GCN cho CN. VPĐKĐĐ | - CN.VPĐKĐĐ - VPĐKĐĐ | 01 ngày | - GCN - Hồ sơ đã duyệt | |
| 10 | CN. VPĐKĐĐ chuyển GCN cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) để trao GCN cho người được cấp giấy | CN. VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | 01 ngày | Giấy CN | |
| 11 | Trả kết quả cho người đề nghị cấp GCN; xuất phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ để lưu theo hồ sơ cấp GCN | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) | 0,5 ngày | - Giấy CN - Thu Phiếu nhận và trả kết quả. | |
| | Tổng thời gian thực hiện: | | 12 ngày | | |

Điều 33. Cơ chế phối hợp để giải quyết thủ tục đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về pháp nhân, số Chứng minh nhân dân, số thẻ Căn cước công dân, địa chỉ đồng thời với thủ tục xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu

1. Thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định tại Khoản 6, Điều 7 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; Khoản 10, Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT

2. Cơ chế phối hợp:

| STT | Nội dung thực hiện | Cơ quan thực hiện | Thời gian thực hiện | Sản phẩm | Ghi chú |
|-----|--------------------|-------------------|---------------------|----------|---------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |

| | | | | | |
|----|--|--|----------|---|--|
| 01 | - Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. - Gửi hồ sơ đến CN.VPĐKĐĐ | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | 0,5 ngày | - Lập Phiếu nhận và trả kết quả. - Hồ sơ | |
| 02 | Xác nhận thay đổi vào GCN đã cấp | | | | |
| | CN. VPĐKĐĐ kiểm tra hồ sơ, chỉnh lý GCN | CN. VPĐKĐĐ | 04 ngày | Hồ sơ | |
| | Cấp mới GCN | | | | |
| 02 | Kiểm tra hồ sơ, xác nhận đơn; nhập thông tin in GCN, hoàn chỉnh hồ sơ chuyển VPĐKĐĐ | CN. VPĐKĐĐ | 02 ngày | Hồ sơ | Tổng thời gian thực hiện tại điểm này không quá 06 ngày |
| | Kiểm tra trình tự, thủ tục pháp lý của hồ sơ, in GCN | VPĐKĐĐ | 03 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |
| | Hoàn chỉnh hồ sơ trình LĐ VPĐKĐĐ xem xét ký GCN | Phòng ĐK&CGCN | 01 ngày | - Hồ sơ cấp GCN - GCN | |
| 03 | Quét (Scan) hồ sơ, GCN và lưu và cập nhật hồ sơ địa chính theo quy định, chuyển GCN cho CN. VPĐKĐĐ, chuyển GCN, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | CN.VPĐKĐĐ VPĐKĐĐ | 03 ngày | - Giấy CN - Hồ sơ đã duyệt | |
| 05 | Trả kết quả cho người đề nghị cấp GCN; xuất phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ để lưu theo hồ sơ cấp GCN | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | 0,5 ngày | - Giấy CN - Thu Phiếu nhận và trả kết quả. | |
| | Tổng thời gian thực hiện: | | | - Xác nhận GCN: 05 ngày. - Cấp mới GCN: 10 ngày. | |

Điều 34. Cơ chế phối hợp để giải quyết thủ tục đăng ký, xóa đăng ký ký thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thành phần hồ sơ thực hiện theo Điều 19, Điều 26 Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BTP-BTNMT; Khoản 2, Khoản 6, Điều 7 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT.

Trong trường hợp người sử dụng đất yêu cầu giải quyết thủ tục tại Điều 20 Quy định này đồng thời có thay đổi thông tin trên GCN thì thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định tại Khoản 6, Điều 7 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; Khoản 2, Điều 9 Thông tư 09/2016/TTLT-BTP-BTNMT.

2. Cơ chế phối hợp:

| STT | Nội dung thực hiện | Cơ quan thực hiện | Thời gian thực hiện | Sản phẩm | Ghi chú |
|-----|------------------------------|-------------------|---------------------|-------------|---------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 01 | - Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. | Bộ phận tiếp | 0,25 ngày | - Lập Phiếu | |

| | | | | | |
|--|---|---|---|---|---|
| | - Gửi hồ sơ đến CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) | nhận và trả kết quả cấp huyện (hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) | | nhận và trả kết quả. - Hồ sơ | |
| Trường hợp không có thay đổi thông tin trên giấy chứng nhận | | | | | |
| 02 | CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) kiểm tra hồ sơ, xác nhận vào đơn | - CN.VPĐKĐĐ - VPĐKĐĐ | 0,25 ngày | - GCN - Hồ sơ đã duyet | |
| Trường hợp có thay đổi thông tin trên giấy chứng nhận | | | | | |
| 02 | CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) kiểm tra hồ sơ, xác nhận vào đơn biến động, giấy chứng nhận nội dung thay đổi thông tin. | - CN.VPĐKĐĐ - VPĐKĐĐ | 01 ngày | - GCN - Hồ sơ đã duyet | Tổng thời gian thực hiện ở điểm này không quá 1,25 ngày |
| | CN.VPĐKĐĐ (hoặc VPĐKĐĐ) kiểm tra hồ sơ, xác nhận vào đơn, giấy chứng nhận nội dung đăng ký. | - CN.VPĐKĐĐ - VPĐKĐĐ | 0,25 ngày | - GCN - Hồ sơ đã duyet | |
| 03 | Quét (Scan) hồ sơ, GCN và lưu và cập nhật hồ sơ địa chính theo quy định | - CN.VPĐKĐĐ - VPĐKĐĐ | 0,25 ngày | Hồ sơ | |
| 04 | Chuyển GCN cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) để trao cho người được cấp giấy. | - CN.VPĐKĐĐ - VPĐKĐĐ | 0,25 ngày | GCN | |
| 05 | Trả kết quả cho người đề nghị cấp GCN; xuất phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ để lưu theo hồ sơ cấp GCN | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) | | - GCN - Thu Phiếu nhận và trả kết quả. | |
| Tổng thời gian thực hiện: | | | - Không thay đổi thông tin GCN: 01 ngày. - Thay đổi thông tin GCN: 02 ngày. | | |

Điều 35. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thực hiện thủ tục hành chính về đất đai.

1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả đối với Tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài.

2. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc Trung tâm hành chính công cấp huyện (nếu đã thành lập Trung tâm hành chính công cấp huyện) tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả đối với Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.

Điều 36. Thời gian phối hợp để giải quyết tại các xã vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

Đối với các xã vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện đối với từng loại thủ tục quy định tại Điều này được tăng thêm không quá 10 ngày.

Điều 37. Thời gian phối hợp để giải quyết trong trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản nộp hồ sơ tại UBND cấp xã

Trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản nộp hồ sơ tại UBND cấp xã thì thời gian giải quyết thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận từ Điều 03 đến Điều 33 được cộng thêm 03 ngày.

**CHƯƠNG III
TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP**

Điều 38. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

1. Thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ

- Hồ sơ do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản chọn hình thức nộp tại UBND cấp xã theo quy định.

- Hồ sơ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai gửi đến để lấy ý kiến và xác nhận kết quả.

- Hồ sơ tiếp nhận tại UBND cấp xã bao gồm các loại theo quy định tại bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường đã được Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh công bố.

- Tiếp nhận các giấy tờ gốc liên quan đến quyền sử dụng đất.

2. Thẩm tra, giải quyết hồ sơ

- UBND cấp xã có trách nhiệm thẩm tra, lấy ý kiến cộng đồng khu dân cư, giải quyết hồ sơ đã tiếp nhận của người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo quy định.

- Tổ chức công khai lấy ý kiến tại trụ sở UBND cấp xã, đồng thời xem xét, giải quyết các góp ý về nội dung công khai.

- Hoàn chỉnh hồ sơ, ghi phiếu tiếp nhận và trả kết quả và Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ.

3. Luân chuyển và trả kết quả đã giải quyết

- Chuyển hồ sơ đã thẩm tra cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để giải quyết. Riêng hồ sơ không đủ điều kiện do UBND cấp xã tiếp nhận thì trực tiếp chuyển trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản.

- Nhận hồ sơ đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai giải quyết; nhận thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính do cơ quan thuế chuyển đến và thông báo cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản để thực hiện nghĩa vụ tài chính; tiếp nhận và kiểm tra chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản trước khi giao trả kết quả và thu phí, lệ phí theo quy định. Vào sổ và chuyển giao chứng từ thực

hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai lưu trữ theo quy định.

Điều 39. Trách nhiệm của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả

1. Cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa phải xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào cơ sở dữ liệu.

a) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ phải hướng dẫn đại diện tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

b) Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính;

c) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả.

2. Đối với hồ sơ được nộp trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa phải xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ.

a) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định, cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận phải có thông báo, nêu rõ nội dung, lý do và hướng dẫn cụ thể, đầy đủ một lần để tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ, chính xác hoặc gửi đúng đến cơ quan có thẩm quyền.

Việc thông báo được thực hiện thông qua chức năng gửi thư điện tử, gửi tin nhắn tới người dân của Cổng Dịch vụ công;

b) Nếu hồ sơ của tổ chức, cá nhân đầy đủ, hợp lệ thì cán bộ, công chức, viên chức tại Bộ phận Một cửa tiếp nhận và chuyển cho cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy trình quy định tại Điều 18 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

3. Mỗi hồ sơ thủ tục hành chính sau khi được tiếp nhận sẽ được cấp một Mã số hồ sơ được ghi trong Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. Tổ chức, cá nhân sử dụng Mã số hồ sơ để tra cứu tình trạng giải quyết thủ tục hành chính tại Cổng Dịch vụ công.

4. Trường hợp thủ tục hành chính có quy định phải trả kết quả giải quyết ngay khi sau khi tiếp nhận, giải quyết, nếu hồ sơ đã đầy đủ, chính xác, đủ Điều kiện tiếp nhận, cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận không phải lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả, nhưng phải cập nhật tình hình, kết quả giải quyết vào Hệ thống thông tin một cửa điện tử; trường hợp người nộp hồ sơ yêu cầu phải có Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả thì cán bộ, công chức, viên chức cung cấp cho người nộp hồ sơ.

5. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức tại Bộ phận Một cửa được cơ quan có thẩm quyền phân công, ủy quyền giải quyết thì thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và cập nhật tình hình, kết quả giải quyết vào Hệ thống thông tin một cửa điện tử.

6. Ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 17 Nghị định này, cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết như sau:

a. Chuyển dữ liệu hồ sơ điện tử được tiếp nhận trực tuyến của tổ chức, cá nhân đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết thông qua kết nối giữa Công Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh.

b. Chuyển ngay hồ sơ tiếp nhận trực tiếp trong ngày làm việc hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày.

c. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan có thẩm quyền khác, cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận chuyển hồ sơ giấy và hồ sơ điện tử cho Bộ phận Một cửa của cơ quan có thẩm quyền đó trong ngày làm việc hoặc đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày để xử lý theo quy định.

Việc chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết nêu tại Khoản b, Khoản c Điều này được thực hiện thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc các loại hình dịch vụ khác bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, an toàn hồ sơ tài liệu.

7. Nhận lại hồ sơ đã được giải quyết do Văn phòng đăng ký đất đai đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo hoặc Chi nhánh Văn Phòng đăng ký đất đai đối với hộ gia đình, cá nhân bàn giao, nhận thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính do cơ quan thuế chuyển đến và thông báo cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản hoặc nhân viên Bưu điện để thực hiện nghĩa vụ tài chính; tiếp nhận và kiểm tra chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác trước khi giao trả kết quả và thu phí, lệ phí theo quy định. Vào sổ và chuyển giao chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản cho Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai lưu trữ theo quy định.

Điều 40. Trách nhiệm của Phòng Tài nguyên và Môi trường

1. Thực hiện việc tiếp nhận những hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện do Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chuyển đến.

2. Kiểm tra hồ sơ và trình Lãnh đạo UBND cấp huyện ký cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức sử dụng đất thuộc thẩm quyền giải quyết.

3. Đối với hồ sơ qua thẩm tra, thẩm định chưa đủ Điều kiện giải quyết trả lại hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ để gửi cho tổ chức, cá nhân thông qua Bộ phận Một cửa. Thời gian thông báo trả lại hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định cụ thể về thời gian. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

4. Giao hồ sơ đã ký Giấy chứng nhận và các Quyết định của UBND cấp huyện cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để:

- Lưu trữ, cập nhật, chỉnh lý biến động vào hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu địa chính.

- Bàn giao lại Giấy chứng nhận đã ký, các Quyết định của UBND cấp huyện (nếu có) cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để trao cho người sử dụng đất.

Điều 41. Trách nhiệm của Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai

1. Thực hiện việc tiếp nhận những hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, UBND cấp huyện do Trung tâm Hành chính công tỉnh, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, UBND cấp xã chuyển đến, cụ thể:

- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tiếp nhận hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Văn phòng đăng ký đất đai tiếp nhận hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Thẩm tra, giải quyết hồ sơ.

- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thẩm tra, giải quyết hồ sơ thuộc thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận của UBND cấp huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.

- Văn phòng đăng ký đất đai thẩm tra, giải quyết hồ sơ thuộc thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường đối với tổ chức.

3. Đối với hồ sơ qua thẩm tra, thẩm định chưa đủ Điều kiện giải quyết trả lại hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ để gửi cho tổ chức, cá nhân thông qua Bộ phận Một cửa. Thời gian thông báo trả lại hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định cụ thể về thời gian. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

4. Lập thủ tục trình cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận.

- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai lập thủ tục chuyển Phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra trình UBND cấp huyện đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận lần đầu, cấp mới Giấy chứng nhận do chuyển mục đích sử dụng đất hoặc Văn phòng đăng ký đất đai kiểm tra in, ký Giấy chứng nhận (theo ủy quyền) đối với trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.

- Văn phòng đăng ký đất đai lập thủ tục chuyển Chi cục Quản lý đất đai, Văn phòng Sở (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường) kiểm tra trình Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận cho các tổ chức sử dụng đất.

Điều 42. Trách nhiệm của Chi cục Quản lý đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Thực hiện việc tiếp nhận những hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh do Trung tâm Hành chính công tỉnh và Văn phòng đăng ký đất đai chuyển đến.

2. Kiểm tra hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh ký cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức sử dụng đất.

3. Đối với hồ sơ qua thẩm tra, thẩm định chưa đủ Điều kiện giải quyết trả lại hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ để gửi cho tổ chức, cá nhân thông qua Bộ phận Một cửa. Thời gian thông báo trả lại hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định cụ thể về thời gian. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

4. Giao hồ sơ đã ký Giấy chứng nhận và các Quyết định của UBND tỉnh cho Văn phòng đăng ký đất đai để:

- Lưu trữ, cập nhật, chỉnh lý biến động vào hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu địa chính.

- Bàn giao lại Giấy chứng nhận đã ký, các Quyết định của UBND tỉnh (nếu có) cho Trung tâm Hành chính công tỉnh để trao cho tổ chức sử dụng đất.

Điều 43. Trách nhiệm của Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Thực hiện việc tiếp nhận những hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường do Văn phòng đăng ký đất đai, Chi cục Quản lý đất đai chuyển đến.

2. Đóng dấu của Sở Tài nguyên và Môi trường vào Giấy chứng nhận do Văn phòng đăng ký đất đai ký theo ủy quyền.

3. Giao Giấy chứng nhận đã đóng dấu cho Văn phòng đăng ký đất đai để:

- Lưu trữ, cập nhật, chỉnh lý biến động vào hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu địa chính.

- Bàn giao lại Giấy chứng nhận đã ký cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (hoặc Trung tâm Hành chính công tỉnh) để trao cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản.

Điều 44. Trách nhiệm của Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện

1. Tiếp nhận hồ sơ chuyển thông tin địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để xác định nghĩa vụ tài chính (trường hợp có khấu trừ).

2. Chuyển thông tin đến Cục Thuế, Chi cục Thuế để tính nghĩa vụ tài chính và ban hành Thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất.

Điều 45. Trách nhiệm của Cục thuế, Chi cục Thuế cấp huyện

1. Tiếp nhận hồ sơ chuyển thông tin địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chuyển đến để xác định nghĩa vụ tài chính.

2. Chuyển Thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính cho Văn phòng đăng ký đất đai hoặc các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để thông báo cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản.

3. Theo dõi việc ghi nợ, trả nợ nghĩa vụ tài chính đối với các trường hợp được ghi nợ nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất do Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chuyển cho Cục thuế, Chi cục thuế theo hồ sơ cấp Giấy chứng nhận,...

Điều 46. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước Trà Vinh, Kho bạc Nhà nước cấp huyện

1. Thực hiện thu các khoản thu, thu nợ nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản.

2. Xác định thời gian vi phạm nộp nghĩa vụ tài chính chậm và tổ chức thu các khoản thu do việc chậm thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Điều 47. Trách nhiệm của Ban quản lý khu kinh tế, Sở Xây Dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Quản lý Đô thị, phòng Kinh Tế và Hạ Tầng, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chỉ đạo bộ phận chuyên môn kịp thời xử lý, trả lời cụ thể đúng theo quy định nội dung trong phiếu lấy ý kiến và các nội dung khác có liên quan về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất do Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chuyển đến.

Điều 48. Xác định trách nhiệm của cá nhân, đơn vị trong quá trình phối hợp thực hiện:

- Trong quá trình phối hợp giải quyết, hồ sơ luân chuyển đến cơ quan, đơn vị (bộ phận) nào thì bộ phận đó xác nhận ngày, tháng, năm giải quyết và ký tên vào Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ, nhằm xác định trách nhiệm của tập thể và cá nhân có liên quan.

- Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để yêu cầu bổ sung hồ sơ theo thông báo của cơ quan, đơn vị (bộ phận) giải quyết hồ sơ.

- Đối với hồ sơ không giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để trả lại hồ sơ kèm theo thông báo không giải quyết hồ sơ.

- Đối với hồ sơ quá hạn giải quyết; Thông báo thời hạn trả kết quả lần sau và chuyển văn bản xin lỗi của cơ quan, đơn vị (bộ phận) làm quá hạn giải quyết cho cá nhân, tổ chức.

Điều 49. Phối hợp cung cấp thông tin

1. Việc cung cấp thông tin được thực hiện như sau:

a) Trường hợp cần xác minh thêm thông tin về điều kiện chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo Quy định này, trong thời gian một (01) ngày làm việc Văn phòng đăng ký đất đai gửi phiếu lấy ý kiến đến cơ quan quản lý tài sản gắn liền với đất.

Trong thời gian không quá hai (02) ngày làm việc kể từ ngày nhận được phiếu lấy ý kiến, cơ quan quản lý tài sản gắn liền với đất có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho Văn phòng đăng ký đất đai.

b) Trong thời gian không quá một (01) ngày làm việc kể từ ngày nhận Giấy chứng nhận (có nội dung chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất) đã được cơ quan có thẩm quyền ký, Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm sao y bản chính (đóng dấu của Văn phòng đăng ký đất đai) gửi cho cơ quan quản lý nhà nước về tài sản gắn liền với đất để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước của từng ngành.

2. Việc chuyển thông tin xác định nghĩa vụ tài chính được thực hiện như sau:

Các trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính khi cấp Giấy chứng nhận và đăng ký biến động quy định tại Quy định này thì trong thời gian được quy định tại Quy định này (theo từng thủ tục) kể từ ngày nhận phiếu chuyển thông tin của Văn phòng đăng ký đất đai chuyển đến, cơ quan Thuế xác định và gửi thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính cho Văn phòng đăng ký đất đai.

3. Việc luân chuyển hồ sơ được thực hiện như sau:

a) Các cơ quan giải quyết hồ sơ cấp Giấy chứng nhận phải trực tiếp luân chuyển hồ sơ, vào sổ theo dõi và ký nhận.

b) Các trường hợp phải chuyển thông tin cho Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Xây dựng quy định tại Quy định này, Văn phòng đăng ký đất đai chuyển công văn bằng đường bưu điện.

c) Việc chuyển Giấy chứng nhận có nội dung chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho cơ quan quản lý tài sản gắn liền với đất quy định tại Quy định này, Văn phòng đăng ký đất đai chuyển công văn bằng đường bưu điện.

d) Việc chuyển thông tin và nhận thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định tại khoản 2 Điều này, Văn phòng đăng ký đất đai và cơ quan Thuế luân chuyển hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua phần mềm điện tử, vào sổ theo dõi và ký nhận (trừ trường hợp luân chuyển điện tử).

CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 50. Tổ chức thực hiện

1. Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan; UBND cấp huyện, UBND cấp xã có trách nhiệm triển khai, thực hiện Quy định này.

2. Các nội dung không nêu trong Quy định này được thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan về đất đai.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Anh Dũng